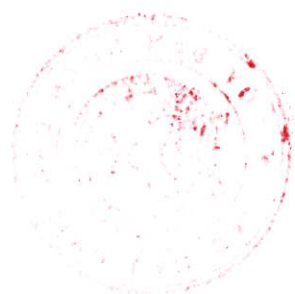


PH

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

[illegible]



ms. A. 1. 1. 1. 1.

STT		Loại đô thị đã được công nhận	Loại đô thị chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTV QH15	Loại đô thị đến năm 2030	Định hướng đến năm 2040	Tầm nhìn đến năm 2050	Ghi chú
17	Xã Si Ma Cai (Đô thị Si Ma Cai)	V	III	đô thị trước ngày 01/7/2025 và đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III được quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UB TVQH15	đô thị trước ngày 01/7/2025 và đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III được quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UB TVQH15	trên địa bàn toàn xã, tiến tới thành lập phường)	Thị trấn Si Ma Cai đã được công nhận đô thị loại V
18	Xã Mù Cang Chải (TT Mù Cang Chải)	Chưa	III				Thị trấn Mù Cang Chải chưa được công nhận đô thị loại V
19	Xã Liên Sơn (Đô thị Nông trường Liên Sơn)	V	III				Thị trấn Nông trường Liên Sơn đã được công nhận đô thị loại V
20	Xã Hạnh Phúc (Đô thị Trại Tầu)	Chưa	III				Thị trấn Trại Tầu chưa được công nhận đô thị loại V
21	Xã Hưng Khánh (Đô thị Hưng Khánh)	V	III	ngày 24/12/2025	ngày 24/12/2025		Xã Hưng Khánh (cũ) đã được công nhận đô thị loại V
22	Xã Thương Bàng La (Đô thị Nông trường Trần Phú)	V	III				Thị trấn Nông trường Trần Phú đã được công nhận đô thị loại V
23	Xã Văn Chấn (Đô thị Sơn Thịnh)	V	III				Thị trấn Sơn Thịnh đã được công nhận đô thị loại V
24	Xã Bảo Ái (Đô thị Cẩm Ân)	V	III				Xã Cẩm Ân đã được công nhận đô thị loại V
25	Xã Phong Hải (Đô thị Phong Hải)	Chưa	III				Thị trấn Nông trường Phong Hải chưa được công nhận đô thị loại V
C	Đô thị mới						

STT	 Đô thị	Loại đã được công nhận	Loại đô thị chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTV QH15	Loại đô thị đến năm 2030	Định hướng đến năm 2040	Tầm nhìn đến năm 2050	Ghi chú
26	Xã Bảo Hà (Đô thị Bảo Hà)			III (Khu vực trung tâm xã)	III (Quản lý không gian đô thị loại III đối với khu vực được công nhận là đô thị và đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III được quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025)	II (Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III trên địa bàn toàn xã, tiến tới thành lập phường)	Khu vực Bảo Hà - Tân An
27	Xã Gia Phú (Đô thị Gia Phú)						Khu vực trung tâm xã Gia Phú - Thống Nhất (cũ)
28	Xã Quy Mông (Đô thị Quy Mông)						Khu vực trung tâm xã Quy Mông
29	Xã Đông Cường (Đô thị An Bình)						Khu vực đô thị An Bình
30	Xã Trịnh Tường				III (Khu vực trung tâm xã)	III (Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III trên địa bàn toàn xã, tiến tới thành lập phường)	
31	Xã Y Tý (Đô thị Y Tý)						
32	Xã Cốc San						
33	Xã Võ Lao (Đô thị Võ Lao)						
34	Xã Bảo Nhai (Đô thị Bảo Nhai)						
35	Xã Bản Lầu (Đô thị Bản Lầu)						

STT		Loại đã được công nhận	Loại đô thị chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTV QH15	Loại đô thị đến năm 2030	Định hướng đến năm 2040	Tầm nhìn đến năm 2050	Ghi chú
36	Xã Xuân Quang (Đô thị Xuân Quang)						
37	Xã Tả Van (Đô thị Tả Van)						
38	Xã Púng Luông (Đô thị Púng Luông)						
39	Xã Tú Lệ (Đô thị Tú Lệ)						
40	Xã Gia Hội (Đô thị Gia Hội)						
41	Xã Chấn Thịnh (Đô thị Tân Thịnh)						
42	Xã Cát Thịnh (Đô thị Cát Thịnh)						
43	Xã Khánh Hòa (Đô thị Khánh Hòa)						
44	Xã Cẩm Nhân (Đô thị Cẩm Nhân)						
45	Xã Việt Hồng (Đô thị Vân Hội)						
46	Xã Xuân Ái (Đô thị Xuân Ái)						



thành lập
phường)

Phụ lục II
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên Khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích đã QH đến năm 2030 (ha)	Điều chỉnh diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
I	KCN giữ nguyên theo quy hoạch (07 KCN)				
I.1	Các KCN đã thành lập		739	739	
1	KCN Phía Nam	Phường Văn Phú	400	400	
2	KCN Trấn Yên	Phường Âu Lâu	339	339	
I.2	Các KCN chưa thành lập		1.132	1.132	
1	KCN Bản Qua (giai đoạn 1)	Xã Bát Xát	107	107	
2	KCN Y Can	Xã Lương Thịnh, xã Quy Mông	350	350	
3	KCN Đông An	Xã Đông Cuông	350	350	
4	KCN Thịnh Hưng (giai đoạn 1)	Xã Yên Bình, phường Văn Phú	104	104	
5	KCN Lục Yên (giai đoạn 1)	Xã Lục Yên, xã Tân Lĩnh	221	221	
II	KCN tăng, giảm diện tích theo Quy hoạch (06 KCN)				
II.1	KCN đã thành lập		1.299,89	1.500	
1	KCN Bắc Duyên Hải	Phường Lào Cai	66	85	Tăng 19 ha
2	KCN Tăng Loỏng	Xã Tăng Loỏng	918	1.100	Tăng 182 ha
3	KCN Âu Lâu	Phường Âu Lâu, xã Quy Mông	120	155	Tăng 35 ha
4	KCN Minh Quân	Phường Âu Lâu	195,89	160	Giảm 35,89 ha
II.2	KCN chưa thành lập		1.000	1.000	
1	KCN Cốc Mỹ-Trịnh Tường (Giai đoạn 1)	Xã Trịnh Tường	800	500	Giảm 300 ha
2	KCN Võ Lao (giai đoạn 1)	Xã Võ Lao	200	500	Tăng 300 ha
III	KCN điều chỉnh tiến độ thực hiện từ giai đoạn sau 2030 lên giai đoạn 2026-2030 (01 KCN)			300	
1	KCN Phú Xuân	Xã Gia Phú		300	Điều chỉnh tiến độ thực hiện từ



STT	Tên Khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm	Diện tích đã QH đến năm 2030 (ha)	Điều chỉnh diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
					giai đoạn sau 2030 lên giai đoạn 2026-2030
IV	KCN bổ sung mới (06 KCN)			1.126	
1	KCN Bát Xát	Xã Bát Xát		76	Bổ sung mới (phục vụ di chuyển các cơ sở sản xuất trong KCN Đông Phố Mới)
2	KCN Cam Đường	Phường Cam Đường		200	
3	KCN Thống Nhất	Xã Gia Phú		150	(chuyển từ CCN Thống Nhất 2 và Thống Nhất 3)
4	KCN Việt Hồng 1	Xã Việt Hồng		300	
5	KCN Việt Hồng 2	Xã Việt Hồng		200	
6	KCN Phú Xuân 1	Xã Gia Phú		200	
	Tổng cộng (I+II+III+IV)		4.170,89	5.797	

Ghi chú: Đối với các khu công nghiệp quy hoạch mới: Địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư. Trường hợp huy động được nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho đầu tư sớm hơn đối với một số khu công nghiệp dự kiến đầu tư sau năm 2030.



Phụ lục III
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH LAO CAI THỜI KỲ 2021 – 2030
(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)	Điều chỉnh diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
	Tổng số CCN quy hoạch trong giai đoạn 2021 – 2030 (I+II+IV+V): 54 CCN		2.070,36	2.927,81	
I	Các CCN giữ nguyên theo Quy hoạch (20 CCN)		1.056,64	1.056,64	
I.1	CCN đã thành lập (12 CCN)		674,24	674,24	
1	Phú Thịnh 1	Xã Yên Bình, Phường Văn Phú	75	75	
2	Phú Thịnh 2	Xã Yên Bình, Phường Văn Phú	75	75	
3	Phú Thịnh 3	Xã Yên Bình, Phường Văn Phú	75	75	
4	Sơn Thịnh	Xã Văn Chấn	58,76	58,76	
5	Yên Thế	Xã Lục Yên	39,97	39,97	
6	Hưng Khánh	Xã Hưng Khánh	20	20	
7	Minh Quân	Phường Âu Lâu	75	75	
8	Y Can	Xã Quy Mông	75	75	
9	Bắc Văn Yên	Xã Đông Cuông	55	55	
10	Bắc Duyên Hải	Phường Lào Cai	19,5	19,5	
11	Phổ Ràng	Xã Bảo Yên	31,01	31,01	
12	Thống Nhất 1	Xã Gia Phú	75	75	
I.2	CCN chưa thành lập (08 CCN)		382,4	382,4	
1	Hợp Minh	Phường Âu Lâu	37,4	37,4	
2	Phú Thịnh 4	Xã Yên Bình, phường Văn Phú	75	75	
3	Bảo Minh	Phường Âu Lâu	60	60	
4	Tân Lĩnh	Xã Tân Lĩnh	75	75	
5	Thượng Bằng La	Xã Thượng Bằng La	20	20	Sau 2030 mở rộng lên thành 50 ha
6	Bảo Thắng (QH 316 là CCN thị trấn Phố Lu)	Xã Bảo Thắng	40	40	Sau 2030 mở rộng lên thành 75ha
7	Bản Phung (QH 316 là CCN Bản Phùng)	Xã Văn Bàn	40	40	

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)	Điều chỉnh diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
8	Trà Trầu	Xã Bảo Thắng	35	35	Sau 2030 mở rộng lên thành 50ha
II	Điều chỉnh tăng, giảm diện tích (14 CCN)		503,72	711,17	
II.1	CCN đã thành lập tăng diện tích (05 CCN)		162,22	277,17	
1	Khánh Yên Thượng	Xã Văn Bàn	5,17	17,17	Tăng 12 ha
2	Âu Lâu	Phường Âu Lâu	50	75	Tăng 25 ha
3	Đông An	Xã Đông Công	34	50	Tăng 16 ha
4	Thịnh Hưng	Xã Yên Bình	53,05	75	Tăng 21,95 ha
5	Báo Đáp	Xã Trấn Yên	20	60	Tăng 40 ha
II.2	CCN chưa thành lập tăng diện tích (07 CCN)		191,5	372	
1	An Thịnh	Xã Mậu A	30	75	Tăng 45 ha
2	Xuân Ái	Xã Xuân Ái	35	75	Tăng 40 ha
3	Tân Hợp	Xã Tân Hợp	40	75	Tăng 35 ha
4	Bát Xát	Xã Bát Xát	53	57	Tăng 04 ha
5	Mường Khương (QH 316 là CCN thị trấn Mường Khương)	Xã Mường Khương	10	30	Tăng 20 ha
6	Tân An (QH 316 là giai đoạn sau 2030)	Xã Bảo Hà	16,5	40	Tăng 23,5 ha
7	Hòa Mạc	Xã Văn Bàn	7	20	Tăng 13 ha
II.3	CCN điều chỉnh giảm diện tích: 02		150	62	
1	Bảo Hưng 2	Phường Âu Lâu	75	50	Giảm 25 ha
2	Yên Hợp	Xã Xuân Ái	75	12	Giảm 63 ha: Đã thành lập (GD 1) 12ha
III	CCN rút khỏi quy hoạch (13 CCN)		310		
III.1	CCN đã thành lập (06 CCN)		151		
1	Đầm Hồng	Các phường: Yên Bái, Văn Phú	16		
2	Tây Cầu Mậu A	Xã Mậu A	35		
3	Đông Phố Mới	Phường Lào Cai	3,5		Di dời do thực hiện dự án đường sắt LC-HN-HP
4	Sơn Mãn	Phường Lào Cai	7,5		Di dời do thực hiện dự án đường sắt LC-HN-HP



STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)	Điều chỉnh diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
5	Bảo Hưng	Phường Âu Lâu	75		QĐ số 2100/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về bãi bỏ QĐ thành lập CCN Bảo Hưng
6	Võ Lao	Xã Võ Lao	14		
III.2	CCN chưa thành lập (07 CCN)		159		
1	Bảo Hà	Xã Bảo Hà	14		
2	Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai	7		
3	Trung Chải	Xã Tả Phìn	15		
4	Trạm Tấu	Xã Phình Hồ	10		
5	Bắc Hà	Xã Bắc Hà	8		
6	Thống Nhất 2	Xã Gia Phú	75		Chuyển thành KCN Thống Nhất
7	Thống Nhất 3	Xã Gia Phú	30		
IV	CCN bổ sung vào quy hoạch (17 CCN)			970	
1	Bản Phiệt 1	Phường Lào Cai		75	
2	Cam Đường 1	Phường Cam Đường		40	
3	Cam Đường 2	Phường Cam Đường		12	
4	Phố Ràng 1	Xã Bảo Yên		56	
5	Phố Ràng 2	Xã Bảo Yên		75	
6	Quang Kim 1	Xã Bát Xát		55	
7	Mông Sơn	Xã Bảo Ái		50	
8	Tân Nguyên	Xã Bảo Ái		55	
9	An Bình	Xã Đông Cuông		50	
10	Thống Nhất	Xã Gia Phú		35	(phục vụ di chuyển các cơ sở sản xuất từ 02 CCN Đông Phố Mới và Sơn Mẩn)
11	Ngòi A	Xã Mậu A		62	
12	Yên Hưng	Xã Mậu A		42	
13	Bản Phiệt 2	Phường Lào Cai		75	
14	Yên Hợp 1	Xã Xuân Ái		63	
15	Yên Hợp 2	Xã Xuân Ái		75	
16	Văn Chấn	Xã Văn Chấn		75	
17	Châu Quế	Xã Châu Quế		75	
V	CCN điều chỉnh tiến độ thực hiện từ		190	190	



STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa điểm	Diện tích QH đến năm 2030 (ha)	Điều chỉnh diện tích đến năm 2030 (ha)	Ghi chú
	giai đoạn sau năm 2030 lên giai đoạn 2026-2030 (03 CCN)				
1	Phú Thịnh 5	Phường Văn Phú	75	75	
2	Phú Thịnh 6	Phường Văn Phú	75	75	
3	Châu Quế Thượng	Xã Châu Quế	40	40	
VI	CCN điều chỉnh từ giai đoạn đến năm 2030 sang giai đoạn sau năm 2030 (01 CCN)		10		
1	Púng Luông	Xã Púng Luông	10		Tại Quyết định số 1086/QĐ-TTg ghi là CCN Mù Cang Chải

Ghi chú: Đối với các cụm công nghiệp quy hoạch mới: Địa điểm, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư. Trường hợp huy động được nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho đầu tư sớm hơn đối với một số cụm công nghiệp dự kiến đầu tư sau năm 2030.

Phụ lục IV
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô	Ghi chú
I	Quốc lộ				
1	QL.70	Điểm đầu Km25A tại xã Yên Bình	Điểm cuối Km198+050 kết thúc tại Ngã ba Bản Phiệt (Giao QL.4D)	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
2	QL.4D	Điểm đầu tại Km89+000 bắt đầu từ xã Tả Van	Điểm cuối tại Km200+100, xã Mường Khương	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
3	QL.4E	Điểm đầu Km0+000 giao với QL4 tại xã Lũng Phình	Điểm cuối tuyến kết thúc Km137+607	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
4	QL.4	Điểm đầu từ Km190+000 từ xã Mường Khương	Điểm cuối tại Km286+400 ranh giới của xã Tả Cù Tỷ với Tuyên Quang	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
5	QL.279	Điểm đầu tại xã Nghĩa Đô	Điểm cuối tại xã Nậm Xé	cấp III-IV miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
6	QL.32	Điểm đầu Km147+000 tại xã Nghĩa Tâm	Điểm cuối tại Km332+000, xã Khao Mang	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
7	QL.32C	Điểm đầu tại Km79+000, phường Âu Lâu	Điểm cuối Km96+500, phường Âu Lâu	cấp III miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
8	QL.37	Điểm đầu tại Km238+152, xã Thác Bà	Điểm cuối tại Km356+100, xã Thượng Bằng La	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
9	QL.2D	Điểm đầu tại Km90+765, xã Thác Bà	Điểm cuối tại Km129+560, phường Văn Phú	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
II	Đường tỉnh				
1	ĐT.151	Điểm giao với QL.4E (ngã ba Xuân Giao, xã Gia Phú)	Điểm giao với QL.279 (xã Văn Bàn)	cấp III-IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
2	ĐT.151B	Điểm giao với ĐT.151 (xã Võ Lao)	Xã Chiềng Ken	cấp III-IV miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
3	ĐT.151C	Điểm giao với QL.4E (đầu cầu Phố Lu, xã Bảo Thắng)	Giáp ranh xã Bảo Hà và xã Châu Quế	cấp III - IV miền núi	Nâng cấp toàn tuyến



STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô	Ghi chú
4	ĐT.152	Phường Sa Pa	giao với QL.4E khu vực Bến Đền, xã Bảo Thắng	cấp III - IV miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
5	ĐT.152B	Điểm giao với ĐT.152 (xã Mường Bo)	QL.279 tại xã Dương Quỳnh	cấp V miền núi	Cải tạo và xây mới
6	ĐT.153	Xã Bảo Nhai	Điểm giao với QL.279 (xã Nghĩa Đô)	đạt cấp IV-V miền núi	Cải tạo, nâng cấp, xây mới
7	ĐT.154	Điểm giao với QL.4D (phường Lào Cai)	Điểm giao với QL.70 (Xuân Quang)	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
8	ĐT.155	Điểm giao với ĐT.158 (xã Dền Sáng)	Điểm giao với QL.4D (IC.19, cao tốc Nội Bài - Lào Cai)	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến
9	ĐT.156	Xã Bát Xát	Xã Y Tý	Đường đô thị, cấp IV, 2 - 4 làn xe	Cải tạo nâng cấp (đã quy hoạch thành QL.4E)
10	ĐT.156B	Xã Bát Xát	Điểm giao với ĐT.155 (ngã ba Cán Tỷ, xã Bản Xèo)	cấp V miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
11	ĐT.157	Phường Cam Đường	Điểm giao với QL.4E (xã Xuân Quang)	cấp V miền núi	Nâng cấp
12	ĐT.158	Điểm giao với QL.4E (xã A Mú Sung)	xã Dền Sáng	cấp IV miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
13	ĐT.159	Điểm giao với QL.4 (xã Si Ma Cai)	Điểm giao với ĐT.153 (xã Bản Liên)	cấp V miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
14	ĐT.160	phường Cam Đường	xã Phúc Khánh	cấp IV miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
15	ĐT.161	Phường Cam Đường	Ranh giới xã Bảo Hà – xã Lâm Giang	cấp IV-V miền núi	Nâng cấp toàn tuyến
16	ĐT.162	Điểm giao với QL.279 (Km105+230), (xã Văn Bàn)	Xã Bảo Thắng	Cấp III - IV, 2 - 4 làn xe	Cải tạo, nâng cấp
17	ĐT.163	giao với QL37 tại Km275, phường Yên Bái	xã Châu Quế	cấp III - IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
18	ĐT.164	giao với Km54 ĐT.163, khu vực cầu Trái Hút, xã Đông Công	xã Lâm Giang	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô	Ghi chú
19	ĐT.165	xã Mậu A	xã Bảo Ái	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
20	ĐT.166	phường Âu Lâu	xã Đông Công	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
21	ĐT.170	xã Lục Yên	xã Thác Bà	cấp V, IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
22	ĐT.171	Xã Khánh Hòa	xã Lục Yên	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
23	ĐT.172	phường Âu Lâu	xã Chấn Thịnh	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
24	ĐT.173	xã Chấn Thịnh	xã Nghĩa Tâm	cấp V miền núi	Cải tạo, nâng cấp
25	ĐT.174 và ĐT.175			Nâng lên thành quốc lộ 32D	Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021
26	ĐT.175B	giao với QL.32 tại Km285+00 (xã Púng Luông)	ranh giới giữa 2 xã Púng Luông (tỉnh Lào Cai) và xã Ngọc Chiến (tỉnh Sơn La)	cấp IV miền núi	Cải tạo, nâng cấp
27	Đường nối QL.32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15) - Dự kiến ĐT.167	Ngã ba giao với QL.32, xã Gia Hội	Ngã ba giao với ĐT.166, xã Đông Công	cấp IV miền núi	
28	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Lào Cai) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15) - Dự kiến ĐT.168	Xã Mù Cang Chải	Xã Phong Dụ Thượng	cấp IV miền núi	
29	Đường nối Quốc lộ 32 (Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (Trạm Tấu) – Dự kiến ĐT.169	Giao với QL.32 tại phường Trung Tâm	Kết nối với đường tỉnh 174 tại xã Hạnh Phúc	cấp VI miền núi	
III.	Công trình giao thông khác				
	Các tuyến đường liên tỉnh, liên xã khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh (Bát Xát - Y Tý - Sa Pa; Lào Cai (Cốc San) - Lai Châu (Chu Va); Y Tý - Sa Pa - Văn Bàn - Mù Cang Chải - Tú Lệ - Nghĩa Lộ - Trạm Tấu; dọc sông Hồng kết nối các chuỗi đô thị từ phường Lào Cai đến phường Yên Bái; Si Ma Cai - Bắc Hà - Bảo Yên - Lục Yên - KDL quốc gia hồ Thác Bà;....)				
IV	Các tuyến đường trục chính đô thị theo quy hoạch				

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô	Ghi chú
	- Xây dựng các tuyến chính ra vào đô thị, các tuyến tránh đô thị, hình thành các đường vành đai hợp lý theo quy hoạch không gian đô thị; xây dựng nút giao và dành quỹ đất đã đảm bảo việc phân làn được phù hợp, thuận lợi. - Quy hoạch giao phát triển giao thông đô thị phù hợp theo quy hoạch phát triển hạ tầng và không gian đô thị, đặc biệt ưu tiên các khu vực đô thị như: Đô thị Lào Cai, đô thị Yên Bái, phường Sa Pa, khu vực xã Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà, Mậu A,... - Xây dựng và kết nối hợp lý giữa các tuyến đối ngoại với giao thông đô thị; tập trung nâng cấp một số đường trục đô thị, kết hợp xây dựng mới các tuyến đường theo hướng hiện đại, có quy mô phù hợp.				
V	Hệ thống giao thông tỉnh				
1	Bãi đỗ xe, bến xe hàng: Quy hoạch các bãi đỗ xe tỉnh, bến xe hàng nhằm đáp ứng nhu cầu dừng đỗ, quy mô căn cứ vào lượng xe của từng địa phương trong tỉnh.				
2	Quy hoạch Bến xe khách: Hệ thống bến xe khách có chức năng phục vụ các tuyến vận tải nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng. Trên cơ sở mạng lưới bến xe hiện tại, đặc thù giao thông của tỉnh, quy hoạch mạng lưới bến xe liên tỉnh Lào Cai phải đảm bảo các yêu cầu sau: + Có vị trí thuận lợi, thu hút được lượng khách không chỉ ở địa phương đặt bến xe mà còn phục vụ nhu cầu đi lại của các địa phương lân cận. + Nằm gần các tuyến giao thông quan trọng của tỉnh, tuyến đường cao tốc các quốc lộ, các đường tỉnh có mật độ giao thông cao. + Phân bố về mặt địa lý hợp lý, đảm bảo tất cả khách hàng có thể trực tiếp, gián tiếp tiếp cận một cách nhanh nhất. + Xây dựng bến xe nội tỉnh gắn kết được với các phương thức vận tải khác như gần ga đường sắt, gần các điểm có nhiều tuyến giao thông xe buýt đô thị. + Quy chuẩn bến xe khách: Thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách. + Phân đầu quy hoạch tối thiểu 01 bến xe khách trên địa bàn mỗi xã phường đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.				
3	- Trạm dừng nghỉ: + Các trạm dừng nghỉ trên hệ thống quốc lộ: Rà soát, từng bước đầu tư xây dựng các trạm dừng nghỉ trên hệ thống quốc lộ theo quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên quốc lộ đã được phê duyệt. + Các trạm dừng nghỉ trên hệ thống đường tỉnh: Đảm bảo các tiêu chí theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ. Các trạm nghỉ trên nguyên tắc bố trí thuận lợi trong việc kết nối giao thông và chuyển tiếp với các phương thức vận tải, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống, tiếp nhiên liệu, năng lượng (xăng, điện) cho phương tiện.				
VI	Hệ thống cảng, bến thủy nội địa				
	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống cảng, bến thủy nội địa hiện hữu; mở thêm một số bến du lịch mới trên sông Chảy và vùng hồ Thác Bà khi có nhu cầu phát triển du lịch; xây dựng hệ thống các cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách trên sông Hồng và hồ Thác Bà và các sông, hồ khác khi có nhu cầu, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa cho các khu công nghiệp; xây dựng các bến khách ngang sông theo quy định của pháp luật				

Ghi chú: Các tuyến đường bộ xây dựng thực tế được xác định theo dự án đầu tư và hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị.



PHỦ LỤC V

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

I. Nguồn thủy điện

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
	TỔNG A+B: 122 DỰ ÁN VÀ 375,1MW (CÔNG SUẤT CHỨA PHÂN BỐ), TỔNG CÔNG SUẤT 1.750,7MW					
A	CÁC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2030: 106 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 1.253 MW					
I	CÁC DỰ ÁN GIỮ NGUYÊN THEO QUY HOẠCH TỈNH: 53 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 496,9MW					
1	Bản Lừu	3,0	Xã Hạnh Phúc	Đầu nối về lộ 373 trạm 110kV Nghĩa Lộ, chiều dài khoảng 1,5km.	2026-2030	
2	Ngòi Hút 9	11,0	Xã Phong Dụ Hạ, xã Đông Cuông	Xây dựng đường dây 110kV đầu nối về TBA 110kV Văn Yên, chiều dài khoảng 20km	2026-2030	
3	Ngòi Hút 8	11,0	Xã Phong Dụ Hạ	Xây dựng đường dây 110kV đầu nối về TBA 110kV Ngòi Hút 9, chiều dài khoảng 6km	2026-2030	
4	Hồ Bón 2	5,0	xã Mang Khao	Đầu nối vào đường dây 35kV (lộ 376) trạm 110kV Than Uyên, chiều dài khoảng 1km.	2026-2030	
5	Đồng Ngai	9,0	xã Tả Xi Láng và xã Phình Hồ	Đầu nối về thanh cái 35kV trạm biến áp thủy điện Chí Lư, chiều dài khoảng 9km.	2026-2030	
6	Lìm Thái	5,0	Xã Tú Lệ	Đầu nối về lưới điện 35kV khu vực, chiều dài khoảng 3km.	2026-2030	
7	Nậm Mu mở rộng	5,0	Xã Nậm Xé	Nâng công suất TBA TPD Nậm Mu từ 12,5MVA lên 20MVA.	2026-2030	
8	Nậm Pung mở rộng	3,1	Xã Mường Hum	Xây dựng đường cáp 6,3kV đầu nối Tổ máy mới (số 4 thuộc TPD Nậm Pung Mở rộng từ 9,3 MW lên 12,4MW) được đầu vào thanh	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
9	Suối Chăn mở rộng	8,0	Xã Võ Lao	Bổ sung MBA T2 công suất 11MVA tại TBA 110kV Suối Chăn 2	2026-2030	
10	Xuân Hòa	3,2	Xã Xuân Hoà	Xây dựng đường dây 35kV, chiều dài khoảng 0,2km đầu nối thủy điện Xuân Hòa về lộ 371 trạm 110kV Bảo Yên; Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Xuân Hòa - 4MVA	2026-2030	
11	Nậm Trung Hồ 1	20	Xã Tả Van, xã Bản Hồ	Xây dựng mới TBA 110kV Nậm Trung Hồ 1 có công suất 40MVA-110/35/10kV đặt tại khu vực nhà máy thủy điện Nậm Trung Hồ 1 (20MW) để gom công suất cụm thủy điện Nậm Trung Hồ 1 và Nậm Trung Hồ 2 (6,5MW); Xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn đầu nối trạm 110kV TD Nậm Trung Hồ 1 về thanh cái 110kV TD Nậm Tông, chiều dài khoảng 4,7km	2026-2030	
12	Lán Bò	7,6	Xã Nậm Chày	Xây dựng mới trạm nâng áp 110/35/10kV Lán Bò, công suất 25+32MVA, trong đó máy T1 công suất 25MVA gom dự án TD Lán Bò công suất 7,6MW và Nậm Miện công suất 9MW; máy T2 công suất 32MVA gom dự án TD Hòm Dưới 18MW và thủy điện Nậm Chày 5MW; Xây dựng đường dây 110kV mạch kép đầu nối trạm 110kV Lán Bò chuyển tiếp trên 1 mạch DZ từ trạm 110kV Văn Bàn đi Minh Lương, chiều dài khoảng 6,5km.	2026-2030	
13	Si Ma Cai	18	Xã Pha Long, xã Sín Chéng	Xây dựng mới trạm nâng áp 110/35/10kV TD Si Ma Cai, công suất 1x25MVA; Xây	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
			Và xã Sĩ Ma Cai	dựng mới đường dây 110kV mạch đơn đầu nối TD Sĩ Ma Cai 18MW về thanh cái 110kV trạm 110kV TD Bắc Nà, chiều dài khoảng 40km; Mở rộng 01 ngăn lộ 110kV tại trạm 110kV TD Bắc Nà		
14	Việt Tiến	7	Xã Phúc Khánh	Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn, chiều dài khoảng 11km đầu nối về thanh cái 35kV của TBA 110kV Bảo Yên; Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Việt Tiến, công suất 9MVA	2026-2030	
15	Hòm Dưới	18	Xã Nậm Chày	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Hòm Dưới, công suất 2x13MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối trạm 35kV Hòm Dưới về thanh cái 35kV của trạm 110kV TD Lán Bò, chiều dài khoảng 2km.	2026-2030	
16	Nậm Khóa 1-2	15	Xã Nậm Xé	Xây dựng mới trạm 110kV TD Nậm Khóa 1-2 công suất 2x12,5MVA; Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép đầu nối trạm 110kV TD Nậm Khóa 1-2 chuyển tiếp trên đường dây 110kV Nậm Khóa 3 – Than Uyên, chiều dài khoảng 4,0km	2026-2030	
17	Nậm Trung Hồ 2	6,5	Xã Bản Hồ	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Nậm Trung Hồ 2, công suất 9MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Nậm Trung Hồ 1, chiều dài khoảng 1,5km	2026-2030	
18	Nậm Mả	8	Xã Vô Lao	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Nậm Mả, công suất 10MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV, chiều dài khoảng 4km đầu nối	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				vào thanh cái 35kV trạm biến áp 110kV TĐ Võ Lao.		
19	Tung Chung	9,2	Xã Mường Khương	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV thủy điện Tung Chung, công suất 1x12MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về TĐ Thanh Bình, chiều dài khoảng 10km.	2026-2030	
20	Nậm Chảy	5,0	Xã Mường Khương	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV thủy điện Nậm Chảy, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Bản Lầu, chiều dài khoảng 5,0km.	2026-2030	
21	Thanh Bình	5,4	Xã Mường Khương	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV thủy điện Thanh Bình, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Bản Lầu, chiều dài khoảng 6km	2026-2030	
22	Ngòi Phát 2	5,0	Xã Bát Xát và xã Trịnh Tường	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Ngòi Phát 2, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV đầu nối về lộ 372 sau trạm 110kV Lào Cai, chiều dài khoảng 2km.	2026-2030	
23	Võ Lao	9,0	Xã Võ Lao	Xây dựng mới trạm nâng áp 110/35/10kV TĐ Võ Lao, công suất 1x25MVA; Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép, chiều dài khoảng 2km đầu nối chuyển tiếp trên đường dây mạch 2 từ trạm 220kV Bảo Thắng đi Văn Bàn.	2026-2030	
24	Bản Phùng	5,0	xã Bản Hồ	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TĐ Bản Phùng, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				đường dây 35kV đấu nối về lộ 371 sau trạm 110kV Sa Pa, chiều dài khoảng 3km.		
25	Nậm Khánh B	6,0	Xã Bản Liên	Xây dựng mới trạm nâng áp 110/35/10kV TD Nậm Khánh B, công suất 1x40MVA; đấu nối TD Nậm Khánh B và gom các thủy điện (Tân Tiến 1, Tân Tiến 2, Tân Tiến 3, Lũng Cai, Thái Giàng Phố 1); Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm 110kV thủy điện Nậm Khánh đi 110kV TD Bắc Nà, chiều dài khoảng 0,5km.	2026-2030	
26	Nậm Miên	9,0	xã Dương Quý	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Nậm Miên, công suất 1x12MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đấu nối về thành cái 35kV của trạm 110kV TD Lán Bò, chiều dài khoảng 4km	2026-2030	
27	Nậm Chạc 3	5,0	Xã A Mú Sung	Xây dựng mới Trạm nâng áp 35kV Nậm Chạc 3, công suất 1x7MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đấu nối về thành cái 35kV trạm 110kV Nậm Chạc, chiều dài khoảng 3km	2026-2030	
28	Nậm Sín	4,0	xã Sín Chéng và xã Bắc Hà	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Nậm Sín, công suất 1x6MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV đấu nối về TD Cao Sơn, chiều dài khoảng 4km	2026-2030	
29	Thái Giàng Phố 1	6,0	xã Lũng Phình và xã Bắc Hà	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Thái Giàng Phố 1 - 7,5MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đấu nối về thành cái 35kV TD Nậm Khánh B, chiều dài khoảng 10km	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
30	Nằm Chôn	5,0	Xã Trinh Tường	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Nằm Chôn, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV đấu nối về lộ 372 sau trạm 110kV Lào Cai, chiều dài khoảng 3km	2026-2030	
31	Tân Tiến 1	3,4	Xã Nghĩa Đô	Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV Trạm 110kV Nằm Khánh B, chiều dài khoảng 5km; Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Tân Tiến 1 - 4MVA	2026-2030	
32	Tân Tiến 2	4,6	Xã Nghĩa Đô	Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thủy điện Tân Tiến 1, chiều dài khoảng 1km; Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Tân Tiến 2 - 6MVA	2026-2030	
33	Tân Tiến 3	3,4	Xã Nghĩa Đô	Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thủy điện Tân Tiến 2, chiều dài khoảng 3km; Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Tân Tiến 3 - 4MVA	2026-2030	
34	Mây Hồ 2	4,1	Xã Ngũ Chỉ Sơn	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Máy Hồ 2, công suất 1x5MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV đấu nối về lộ 375 trạm 110kV Lào Cai, chiều dài khoảng 5km.	2026-2030	
35	Ngoài Đò	5,2	Xã Bắc Hà	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV thủy điện Ngoài Đò, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV đấu nối về lộ 376 trạm 110kV Tầng Loóng 1 hiện tại (hướng đi Nậm Mòn - Cốc Ly thuộc lộ 391 trạm 110kV Tầng Loóng 3), chiều dài khoảng 2,5km.	2026-2030	
36	Suối Cầu	7,0	xã Trinh Tường và xã Dền Sáng	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Suối Cầu, công suất 1x9MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về phía 35kV	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				trạm 110kV Sàng Ma Sáo, chiều dài khoảng 2,5km.		
37	Dền Sàng	5,0	Xã Dền Sàng	Xây dựng mới trạm 35kV TD Dền Sàng, công suất 1x7MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về phía 35kV trạm 110kV Sàng Ma Sáo, chiều dài khoảng 1,4km	2026-2030	
38	Lùng Cải	8,0	xã Tả Cù Tỷ và xã Lùng Phình	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Lùng Cải, công suất 10MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thủy điện Thái Giang Phố 1, chiều dài khoảng 9km	2026-2030	
39	Nậm Hu 1	7,0	Xã Bắc Hà	Xây dựng mới trạm 10,5/35/110kV Nậm Hu 1 công suất 1x20MVA để truyền tải công suất thủy điện Nậm Hu 1 (7MW) và thủy điện Nậm Hu 2 (5MW); Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Si Ma Cai đi trạm 110kV Bắc Nà, chiều dài khoảng 5km.	2026-2030	
40	Nậm Hu 2	5,0	xã Bảo Nhai và xã Bắc Hà	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Nậm Hu 2, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Nậm Hu 1, dây dẫn AC185, chiều dài khoảng 3,5km	2026-2030	
41	Lùng Vai	7,0	Xã Bản Lầu	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Lùng Vai, công suất 1x9MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Bản Lầu, chiều dài khoảng 7km	2026-2030	
42	Chu Din	6,0	Xã Dền Sàng	Xây dựng mới trạm 35kV Chu Din, công suất 1x8MVA; Xây dựng đường dây 35kV	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				mạch đơn đầu nối về phía 35kV trạm 110kV Sàng Ma Sáo, chiều dài khoảng 5km.		
43	Cao Sơn	5,5	Xã Cao Sơn	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV TD Cao Sơn, công suất 1x8MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thành cái 35kV trạm 110kV Bản Lầu, chiều dài khoảng 7km.	2026-2030	
44	Nậm Chày	5,0	Xã Nậm Chày	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Nậm Chày, công suất 1x6MVA; Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thành cái 35kV của trạm 110kV TD Lán Bò, chiều dài khoảng 3km.	2026-2030	
45	Minh Lương Thượng 1	5,0	Xã Minh Lương	Xây dựng mới đường dây 6,3kV mạch đơn đầu về thành cái 6,3kV Trạm 110kV Minh Lương Thượng (Cải tạo nâng công suất TBA TD Minh Lương Thượng 110kV/6,3kV thay máy biến áp từ 18MVA lên 27,5MVA.)	2026-2030	
46	Mường Kim (Mở rộng)	2,5	Xã Khao Mang	Mở rộng 01 ngăn lỏ tại Trạm 110kV TD Mường Kim hiện hữu và lắp đặt 01 MBA 15MVA (có cuộn dây 35kV để dự phòng đầu nối dự án Hồ Bón 2).	2026-2030	- TD Mường Kim (chưa mở rộng) hoàn thành phát điện với công suất 13,5MW; bổ sung mở rộng nâng công suất thêm 2,5MW (từ 13,5MW lên 16MW) giai đoạn 2026 – 2030 theo QĐ số 768/QĐ-TTg (thổ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). - Xem xét điều chỉnh mở rộng nâng công suất thêm 6,6MW (nâng công suất từ 13,5MW lên 20,1MW) giai đoạn 2031-2035 hoặc giai đoạn 2026 – 2030 nếu phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
						chính và với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
47	Nha Trang	2,6	Xã Chế Tạo	Xây dựng đường dây 10,5kV từ nhà máy TD Nha Trang đầu nối vào ngăn lộ 10,5kV tại TBA 10,5/110kV thủy điện Phìn Hồ 2	2026-2030	Bảo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giai đoạn vận hành sang 2031-2035 (điều chỉnh QĐ số 262/QĐ-TTg) để nâng công suất từ 2,6MW lên 8MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) và phù hợp với pháp luật về Đầu tư.
48	Đào Sa	15,5	Xã Mù Cang Chải	Xây dựng đường dây 110kV đầu nối về thanh cái 110kV thủy điện Khao Mang, chiều dài khoảng 8km. Khi trạm 110kV Mù Cang Chải đi vào vận hành sẽ chuyển đầu nối TD Đào Sa về trạm 110kV Mù Cang Chải	2026 - 2030	Bảo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giai đoạn vận hành sang 2031-2035 (điều chỉnh QĐ số 262/QĐ-TTg) nếu phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh và phù hợp với pháp luật về Đầu tư.
49	Nậm Hồ mở rộng	2,0	xã Dền Sáng	Nâng công suất MBA TBA thủy điện Nậm Hồ 35kV từ 3,2MVA lên thành 6MVA.	2026-2030	Nâng công suất từ 7,5MW (hiện trạng) lên 9,5MW.
50	Ngòi Đường 1 mở rộng	2,6	Xã Hợp Thành	Lắp thêm máy biến áp 4,0MVA, sử dụng đường dây 35kV hiện có.	2026-2030	- Nâng công suất từ 6,4MW (hiện trạng) lên 9,0MW. - Bổ sung phương án đầu nối:
51	Ngòi Đường 2 mở rộng	3,5	Xã Hợp Thành	Lắp thêm máy biến áp 4,5MVA, sử dụng đường dây 35kV hiện có.	2026-2030	- Nâng công suất từ 5,0MW (hiện trạng) lên 8,5MW - Bổ sung phương án đầu nối.
52	Thái Niên	75,0	Xã Bảo Thắng	Xây dựng mới Trạm nâng áp 110kV TD Thái Niên công suất 2x45MVA; xây dựng mới đường dây 110kV đầu nối chuyển tiếp	2026-2030	Cập nhật theo QĐ số 768/QĐ-TTg

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				trên lưới điện 110 kV khu vực, chiều dài khoảng 12km		
53	Bảo Hà	75,0	Xã Bảo Hà	Xây dựng mới Trạm nâng áp 110kV TD Bảo Hà công suất 2x45MVA; Xây dựng mới đường dây 110kV đầu nối chuyển tiếp trên lưới điện 110 kV khu vực, chiều dài khoảng 15km.	2026-2030	Cập nhật theo QĐ số 768/QĐ-TTg
II CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TRONG QUY HOẠCH TỈNH: 35 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 404MW						
II.1 CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TRONG QUY MÔ CÔNG SUẤT VÀ CÁC THÔNG SỐ KHÁC: 12 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 175,6MW						
1	Tân Lĩnh	26,0	Xã Khánh Hòa	Xây dựng trạm biến áp công suất 1x30MVA, xây dựng đường dây 110kV, 1 mạch, đầu nối từ TBA 110kV tăng áp NMTD Tân Lĩnh đầu nối ngắn lộ 110kV TBA 220kV Lục Yên, chiều dài khoảng 6km.	2026-2030	Điều chỉnh nâng công suất dự án từ 22MW lên 26MW theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (bỏ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2	Lùng Cúm	22,0	Xã Nậm Cỏ	Xây dựng máy biến áp công suất 35MVA, xây dựng đường dây 110kV thủy điện Lùng Cúm - TBA TD Ngòi Hút 2A mạch đơn dài 16km	2026-2030	- Điều chỉnh gộp dự án TD Lùng Cúm 7MW và dự án TD Phìn Ngai 9,2MW thành dự án TD Lùng Cúm và nâng công suất lên thành 22MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (bỏ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Chú chú
						- Điều chỉnh phương án đầu nối vào TBA 110kV TD Ngòi Hút 2A.
3	Tà Ghềnh	14,0	Xã Hành Phúc	Xây dựng máy biến áp công suất 20MVA, xây dựng đường dây 35kV thủy điện Tà Ghềnh - TBA thủy điện Bản Công mạch đơn dài 10km	2026-2030	Điều chỉnh nâng công suất từ 7,5MW lên thành 14MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4	Chống Khua	19,0	Xã Lao Chải	Xây dựng máy biến áp công suất 25MVA, xây dựng đường dây 35kV thủy điện Chống Khua - TBA 110kV thủy điện Nậm Mỏ 1A (Lai Châu) mạch đơn, chiều dài khoảng 9km	2026-2030	Điều chỉnh nâng công suất từ 9,5MW lên thành 19MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5	Mảnh Tàu	8,0	Xã Phình Hồ	Xây dựng máy biến áp công suất 12MVA, Xây dựng đường dây 35kV thủy điện Mạnh Tàu - lưới điện địa phương, mạch đơn, chiều dài khoảng 3km	2026-2030	- Điều chỉnh nâng công suất từ 6MW lên thành 8MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đầu nối vào lưới điện 35kV địa phương
6	Nậm Đông II	12,0	Xã Trạm Tàu	Xây dựng máy biến áp công suất 20MVA, xây dựng đường dây 110kV thủy điện Nậm	2026-2030	Điều chỉnh nâng công suất từ 6,0MW lên thành 12MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				Đông II - TBA 220KV Nghĩa Lộ mạch đơn, chiều dài khoảng 25km		(hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
7	Cát Thịnh	7,5	Xã Cát Thịnh	Xây dựng máy biến áp công suất 12MVA, Xây dựng đường dây 35kV thủy điện Cát Thịnh - lưới điện 35kV khu vực mạch đơn, chiều dài khoảng 5km	2026-2030	- Điều chỉnh quy hoạch nâng công suất từ 5MW lên 7,5MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đầu nối vào lưới điện 35kV địa phương.
8	Yên Hà	24	Xã Khánh Yên	Xây dựng mới trạm 110kV TD Yên Hà công suất 32MVA-6/35/110kV; Xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 110kV trạm 110kV Văn Bàn, chiều dài khoảng 6,5km	2026-2030	Điều chỉnh nâng công suất từ 13MW lên 24MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
9	Chu Linh	8,6	Xã Tả Phìn	Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm gom 110kV Trung Chải, chiều dài khoảng 2km; Xây dựng mới TBA 35kV Chu Linh, công suất 12MVA (điều chỉnh công suất MBA từ	2026-2030	- Điều chỉnh công suất từ 6,0 lên 8,6MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				10MVA lên 12MVA) để truyền tải công suất thủy điện Chu Linh 8,6MW.		công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đầu nối
10	Nậm Chạc 1	8,0	Xã A Mú Sung	Xây dựng đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Nậm Chạc, chiều dài khoảng 3,5km; Xây dựng mới TBA 35kV Nậm Chạc 1, công suất 1x10MVA	2026-2030	- Điều chỉnh nâng công suất từ 5MW lên 8MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đầu nối.
11	Nậm Chạc 2	16,0	Xã A Mú Sung	Xây dựng đường dây 35kV, mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV trạm 110kV Nậm Chạc, chiều dài khoảng 2,5km; Xây dựng mới TBA 35kV Nậm Chạc 2, công suất 1x20MVA	2026-2030	- Điều chỉnh nâng công suất từ 9MW lên 16MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đầu nối.
12	Trung Chải	10,5	Xã Tả Phìn	Xây dựng TBA 110kV công suất 25MW và DZ 110kV mạch kép đầu nối TĐ Trung Chải công suất 10,5MW (điều chỉnh từ 9,5MW lên 10,5MW) lên DZ 110kV SaPa - Lào Cai, chiều dài khoảng 1km.	2026-2030	- Điều chỉnh quy hoạch nâng công suất từ 9,5MW lên 10,5MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong phần công suất dự 3,5MW tại VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh Lào Cai cũ chưa phân bổ) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Chú chú
						quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương. - Điều chỉnh phương án đầu nối.
II.2				CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH CÁC THÔNG SỐ KHÁC: 23 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 228,4MW		
1	Chấn Thịnh	10,0	Xã Chấn Thịnh	Xây dựng mới trạm biến áp 6,3 hoặc 10,5/110kV công suất 15MVA để truyền tải công suất thủy điện Chấn Thịnh công suất 10MW vào hệ thống điện quốc gia; xây dựng đường dây 110kV mạch kép, đầu Transit trên đường dây 110kV Ba Khe – Cẩm Khê, chiều dài khoảng 1,0km.	2026-2030	Điều chỉnh phương án đầu nối: Xây dựng mới trạm biến áp 6.3/110kV, công suất 15MVA để truyền tải công suất thủy điện Chấn Thịnh công suất 10MW; xây dựng đường dây 110kV mạch kép, đầu Transit trên đường dây 110kV Ba Khe – Cẩm Khê, chiều dài khoảng 1,0km - Điều chỉnh các thông số như: Tọa độ vị trí tuyến đập và nhà máy, điều chỉnh mực nước hạ lưu nhỏ nhất,... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giai đoạn vận hành quy định trong QĐ số 262/QĐ-TTg - Điều chỉnh các thông số như: Tọa độ vị trí tuyến đập và nhà máy, điều chỉnh mực nước hạ lưu nhỏ nhất,... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo
2	Đê Dinh Mão	22,0	Xã Chế Tạo	Xây dựng trạm tăng áp 6,3 hoặc 10,5/110kV tại nhà máy Đê Dinh Mão, công suất 35MVA; Đầu nối bằng đường dây mạch đơn AC185 chiều dài 5km từ nhà máy Đê Dinh Mão đến ngăn lộ 110kV tại TBA 110kV Phìn Hồ.	2026-2030	
3	Phìn Hồ 2	10,0	Xã Chế Tạo	Xây dựng đường dây mạch đơn AC185, chiều dài 4km, đầu nối vào ngăn lộ 110kV tại TBA 110kV Đê Dinh Mão; Xây dựng Trạm tăng áp gồm 01 MBA 6,3 hoặc 10,5kV/110kV công suất 28MVA và 01 MBA 35/110kV 16MVA	2026-2030	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
						quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giai đoạn vận hành quy định trong QĐ số 262/QĐ-TTg.
4	Phong Dụ Thượng	22,0	Xã Phong Dụ Thượng	Xây dựng đường dây 110kV, đầu nối về thanh cái 110kV thủy điện Phong Dụ Hạ, chiều dài khoảng 5,5km	2026-2030	Điều chỉnh tọa độ vị trí nhà máy và các tuyến đập;... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Điều chỉnh tọa độ vị trí nhà máy và các tuyến đập;... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Điều chỉnh tọa độ vị trí nhà máy;... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giai đoạn vận hành quy định trong QĐ số 262/QĐ-TTg.
5	Phong Dụ Hạ	16,0	Xã Phong Dụ Hạ	Xây dựng đường dây 110kV đầu nối về thanh cái 110kV NMTD Ngòi Hút 8, chiều dài khoảng 6,5km.	2026-2030	
6	Nậm Tục bậc 1	21,0	Xã Trạm Tấu, phường Nghĩa Lộ	Xây dựng đường dây 110kV mạch đơn đầu nối vào ngăn lậ 110kV trạm biến áp 220/110KV Nghĩa Lộ, chiều dài khoảng 16 km.	2026-2030	
7	Nậm Búng	11,0	Xã Gia Hội	Xây dựng mới TBA 110kV NMTD Nậm Búng với thiết kế 01 máy biến áp 1x15 MVA; xây dựng mới 5 km EDK 110kV, 1 mạch, đầu nối tại thanh cái 110kV của	2026-2030	Điều chỉnh phương án đầu nối: Đầu nối tại thanh cái 110kV của TBA 110kV TD Ngòi Hút 2

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				TBA110kV TD Ngòi Hút 2 hiện có; mở rộng mới 01 ngăn lộ 110kV tại TBA 110kV Ngòi Hút 2 để đầu nối TD Nậm Búng vào lưới điện Quốc gia.		
8	Nậm Pươi	15,0	Xã Gia Hội	Xây dựng trạm biến áp công suất 1x20MVA, xây dựng đường dây 110kV, 2 mạch, dài 10km từ TBA 110kV tăng áp NMTD Nậm Pươi tới đầu nối chuyển tiếp trên đường dây EDK 110kV từ TD Ngòi Hút 2 đi TBA 110kV Nghĩa Lộ.	2026-2030	Điều chỉnh tọa độ vị trí nhà máy và các tuyến đập; điều chỉnh mực nước dâng bình thường,... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
9	Nậm Tha 6 mở rộng	3,0	Xã Chiềng Ken	Lắp thêm máy biến áp 4MVA.	2026-2030	Bổ sung phương án đầu nối.
10	Cốc Đàm mở rộng	2,3	Xã Cốc Lầu	Lắp thêm Máy biến áp 3,2MVA	2026-2030	- Bổ sung phương án đầu nối; - Công suất mở rộng nâng từ 7,5MW (hiện trạng) lên 9,8MW.
11	Nậm Tha 5 mở rộng	6,5	Xã Chiềng Ken	Cải tạo đường dây 35kV hiện có đầu nối về TBA 110kV Nậm Tha, chiều dài khoảng 3km; Xây dựng, bổ sung MBA 35kV, công suất 9MVA	2026-2030	Bổ sung phương án đầu nối
12	Nậm Tha Hạ	6	Xã Chiềng Ken	Xây dựng mới Trạm biến áp 35kV TD Nậm Tha Hạ, công suất 1x10MVA; Đầu nối bằng đường dây 35KV về TBA 110kV Nậm Tha.	2026-2030	- Điều chỉnh phương án đầu nối; - Điều chỉnh mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất;... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
13	Móng Sến 1	4,5	Xã Tả Phìn	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Móng Sến 1, công suất 1x6MVA; Đầu nối tại vị trí	2026-2030	Điều chỉnh phương án đầu nối

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				cột 11 lộ 371 E20.54 NR Móng Sến, dây dẫn AC95, chiều dài khoảng 1km		
14	Bản Mế	5	Xã Sín Chéng	Xây dựng mới TBA 35kV TD Bản Mế, công suất 10MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch kép thủy điện Bản Mế đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 35kV lộ 373 E20.02 (lưới điện 35kV khu vực)	2026-2030	Điều chỉnh phương án đấu nối
15	Ngòi Nhù 1A	6	Xã Chiềng Ken	Xây dựng mới TBA 35kV TD Ngòi Nhù 1A, công suất 10MVA; Xây dựng đường dây 35kV đầu nối thủy điện Ngòi Nhù 1A vào tuyến đường dây 35kV lộ 372 E20.40(lưới điện 35kV khu vực)	2026-2030	Điều chỉnh phương án đấu nối
16	Suối Chăn	6,8	Xã Nậm Xé	Xây dựng mới trạm nâng áp 110 Suối Chăn, công suất 10MVA để truyền tải thủy điện Suối Chăn 6,8MW; Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép đầu nối 110kV Suối Chăn chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm 110kV Nậm Xây đi 110kV Than Uyên, chiều dài khoảng 2km	2026-2030	- Điều chỉnh tọa độ vị trí nhà máy,... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đấu nối.
17	Nậm Cang 1A	10	Xã Mường Bo	Xây dựng mới Trạm biến áp 110kV TD Nậm Cang 1A, công suất 28MVA-6,3/110kV đầu nối thủy điện Nậm Cang 1A công suất 10MW vào lưới điện 110kV (Nhà đầu tư cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về hiệu quả kinh tế đầu tư, xây dựng...); Xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn đầu nối trạm 110kV TD Nậm Cang 1A về thanh cái 110kV Trạm biến áp 220kV Lào Cai thuộc xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai. Chiều dài khoảng 26km.	2026-2030	- Điều chỉnh, chuẩn xác vị trí các hạng mục công trình với điều kiện không ảnh hưởng đến công trình cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Điều chỉnh phương án đấu nối với điều kiện phải có ý kiến chấp thuận đầu nối bằng văn bản của Tổng công ty truyền tải

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
						điện Quốc gia - Đơn vị quản lý, vận hành TBA 220kV Lào Cai. - Điều chỉnh nâng công suất từ 10MW lên 14,4MW, giai đoạn 2031-2035 với điều kiện không ảnh hưởng đến công trình cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
18	Tà Loi 1	15	Xã Mường Hum	Xây dựng mới trạm 110kV TD Tà Loi 1 công suất 30MVA-6/110kV; Xây dựng mới đường dây 110kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây TD Pờ Hồ - TD Tà Loi 2, chiều dài khoảng 0,5km.	2026-2030	Điều chỉnh sơ đồ khai thác (bỏ đập phụ trên suối Lì Lừ Hồ - Thác Ròng; bổ sung đập phụ trên suối Tà Lai; chuẩn xác vị trí địa lý tuyến đập, nhà máy)... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
19	Sa Phìn	6	Xã Minh Lương	Xây dựng trạm nâng áp 35kV Sa phìn, công suất 1x8MVA; Xây dựng đường dây 35kV đầu nối thủy điện Sa Phìn 6MW đầu rẽ nhánh vào đường dây 35kV lộ 375 E20.40, nhánh rẽ Sa Phìn.	2026-2030	Điều chỉnh phương án đầu nối
20	Sàng Ma Sáo	12,5	Xã Dền Sàng	Xây dựng mới trạm nâng áp 110/35/10kV Sàng Ma Sáo, công suất 20+30MVA; để gom công suất các dự án thủy điện; trong đó máy T1 công suất 20MVA gom công suất nhà máy TD Sàng Ma Sáo, máy T2 gom công suất các TD Dền Sàng, Chu Dìn,...;	2026-2030	- Điều chỉnh vị trí nhà máy,... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối về TBA 220kV Bát Xát		- Điều chỉnh phương án đấu nối.
21	Nậm Xây Nội	4,6	Xã Minh Lương	Xây dựng mới TBA 35kV, công suất 6MVA; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp tại trên đường dây 35kV lộ 375 E20.40.	2026-2030	Điều chỉnh phương án đấu nối
22	Sim San	8,0	Xã Y Tý	Xây dựng mới trạm nâng áp 35kV Sim San, công suất 1x10MVA; Đấu nối vào đường dây 35kV lộ 381 nhánh rẽ Sim San thuộc E20.77, chiều dài 1,2km.	2026-2030	Điều chỉnh phương án đấu nối
23	Nậm Mất	5,2	Xã Mường Bo	Xây dựng mới trạm 35kV Nậm Mất, công suất 1x7MVA; Xây dựng mới đường dây 35 kV đấu nối thủy điện Nậm Mất về lộ 372 TBA 110 kV Sa Pa hướng đi lộ 391 TBA 110 kV Tầng Lông 3.	2026-2030	Chuẩn xác lại phương án đấu nối
III CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH TỈNH: 18 DỰ ÁN VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 352,1MW						
1	Ngòi Hút 1 (Mở rộng)	2,8	xã Phong Dự Thượng	DZ 35 kV đấu nối từ nhà máy thủy điện Ngòi Hút 1 đến Trạm 110kV Nghĩa Lộ (hiện đang vận hành)	2026-2030	Bổ sung mở rộng 2,8MW (nâng công suất từ 8,4MW lên 11,2MW) vào quy hoạch theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). Đã hoàn thành phát điện với công suất 8,4MW.
2	Nà Hẩu 2	10,6	Xã Tân Hợp, xã Mỏ Vàng	DZ 35 kV đấu nối từ nhà máy thủy điện Ngòi Hút 1 đến Trạm 110kV Nghĩa Lộ (hiện đang vận hành)	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).
3	Nậm Lành	10,5	Xã Gia Hội	Đầu nối bằng đường dây 110kV Thủy điện Nậm Lành- TD Nậm Tục bắc I- Trạm	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				220kV Nghĩa Lộ, mạch kép, chiều dài khoảng 10km.		
4	Ngôi Lao 2	15,0	Các xã Chấn Thịnh, Cát Thịnh và Thượng Bằng La	Xây dựng mới trạm biến áp 20MVA-110/10.5kV; xây dựng mới đường dây 110kV, dây dẫn mạch kép dài khoảng 1,8km đến đường dây 110kV Ba Khe - Cẩm Khê	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).
5	Nậm Khót 2	12,0	Xã Púng Luông	Xây dựng trạm phân phối 35kV tại khu vực nhà máy, xây dựng đường dây 35kV mạch đơn dài khoảng 3,7km nối từ trạm phân phối của nhà máy đến trạm phân phối 35kV của Trạm biến áp Lả Khắt thuộc Lộ 377 đi trạm 110kV Mường La.	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).
6	Nậm Mô	20,0	Các xã Sơn Lương, Gia Hội	Xây dựng mới trạm biến áp nâng áp 110kV công suất 25MVA; xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn, dài 10km đấu nối thủy điện Nậm Mô về thanh cái 110kV Nghĩa Lộ; mở rộng ngăn lộ 110kV tại trạm 110kV Nghĩa Lộ	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).
7	Khe Màng	16	Xã Phong Dụ Thượng	Xây dựng mới trạm biến áp nâng áp 110kV công suất 20MVA; xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn, chiều dài khoảng 4km đấu nối thủy điện Khe Màng về thanh cái 110kV Phong Dụ Thượng	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).
8	Ngôi Lao	13,5	Xã Cát Thịnh	Đường dây 110kV Thủy điện Ngôi Lao - chuyển tiếp trên đường dây 110kV Yên Bái - Nghĩa Lộ mạch kép dài 8km, dây dẫn ACSR 185	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
9	Suối Bảnh 2	15,6	Xã Tà Xi Láng và xã Văn Chấn	Xây dựng đường dây 110kV dài khoảng 2,0km đầu nối thủy điện Suối Bảnh 2 vào đường dây 110kV Nghĩa Lộ - Văn Chấn; xây dựng mới trạm biến áp nâng áp 110kV Suối Bảnh 2 công suất 31,5 MVA.	2026-2030	Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh).
10	Nghĩa An	10,2	Phường Nghĩa Lộ	Xây dựng đường dây 110kV Nghĩa An - TBA 110kV Nghĩa Lộ, mạch đơn dài 6km; xây dựng trạm tăng áp 12.5 MVA-6,3 hoặc 10,5/110 kV tại nhà máy TD Nghĩa An	2026-2030	- Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). - Xem xét điều chỉnh giai đoạn thực hiện từ 2026 -2030 sang giai đoạn 2031 -2035.
11	Tu San	6,0	Xã Nậm Cỏ	Đường dây bằng đường dây 35kV đầu nối vào lưới điện địa phương	2026-2030	- Bổ sung vào Quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). - Xem xét điều chỉnh giai đoạn thực hiện từ 2026 -2030 sang giai đoạn 2031 -2035.
12	An Bình	65	Xã Đông Cuông	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái, mạch kép, chiều dài khoảng 10km	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg
13	An Thịnh	70	Xã Mậu A	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái mạch kép, chiều dài khoảng 10km	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg
14	Việt Thành	55	Xã Quy, Mông, Trấn Yên	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái, mạch kép, chiều dài khoảng 10km	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg
15	Mây Hồ (mở rộng)	2,5	Xã Ngũ Chi Sơn	Giữ nguyên theo phương án đầu nối DA TD Máy Hồ (công suất 6,5MW)	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong phần công suất dự 3,5MW chưa phân bổ theo VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh Lào Cai cũ), điều chỉnh mức nước dâng bình thường,... với điều kiện dự án không ảnh

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Ghi chú
						hướng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương.
16	Nậm Xi Tan	6,0	Xã Nậm Xé	Xây dựng mới máy biến áp 110kV đặt tại trạm biến áp 110kV TĐ Nậm Khôa 3, đấu nối vào thanh cái tại trạm biến áp 110kV TĐ Nậm Khôa 3	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
17	Dàn Thàng	7,0	Xã Nậm Chày, xã Võ Lao	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối về thanh cái 110kV TBA Suối Chăn 1; xây dựng mới TBA 110kV TĐ Dàn Thàng; Công suất 10MW	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
18	Dàn Thàng 2	15,0	Xã Nậm Chày	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Văn Bàn - Minh Lương; Xây dựng mới TBA 110kV TĐ Dàn Thàng, công suất 20MW	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
B	CÁC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2031 -2035: 16 DỰ ÁN VÀ 357,1MW (CÔNG SUẤT CHƯA PHẦN BỎ), TỔNG CÔNG SUẤT 479,7MW					
I	CÁC DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH TỈNH, ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN 2021 -2030 SANG GIAI ĐOẠN 2031 -2035: 06 DỰ ÁN VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 52MW					
1	Nậm Tha Thượng*	6,0	Xã Chiềng Ken	Xây dựng mới Trạm biến áp 35kV thủy điện Nậm Tha Thượng, công suất 1X10MW; Xây dựng mới đường dây 35kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 35kV TBA 110kV Nậm Tha, chiều dài khoảng 10km.	2031-2035	Điều chỉnh giai đoạn vận hành từ 2021 - 2030 sang giai đoạn 2031-2035 theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
2	Ngòi Nhù 2	12,0	Xã Bảo Thắng và xã Bảo Hà	Xây dựng mới trạm nâng áp 110kV Ngòi Nhù 2 - 16MW; Xây dựng đường dây 110kV mạch kép, chiều dài khoảng 1,5km đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV	2031-2035	Điều chỉnh giai đoạn vận hành từ 2021 - 2030 sang giai đoạn 2031-2035 theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
				mạch 2 từ trạm 220kV Bảo Thắng đi trạm 110kV Văn Bàn.		- Điều chỉnh mở rộng nâng công suất 6MW (từ 18MW lên 24MW) giai đoạn vận hành từ 2021 -2030 sang giai đoạn 2031-2035 theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). - Xem xét điều chỉnh mở rộng nâng công suất 10,8MW (từ 18MW lên 28,8MW) giai đoạn 2031-2035 hoặc giai đoạn 2026-2030 nếu phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Bổ sung đập phụ trên nhánh suối Háng Đê Sửa; MNDBT 687, MNC 686m với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự án đã hòa thành phát điện 3,0MW. Điều chỉnh mở rộng nâng công suất từ 3MW lên 7MW giai đoạn vận hành từ 2021 -2030 sang giai đoạn 2031-2035 theo
3	Hồ Bốn (mở rộng nâng công suất)	6	Xã Khao Mang	Mở rộng ngăn lộ tại trạm 110KV TD Hồ Bốn hiện hữu và lắp đặt thêm 01 máy biến áp 13MVA	2031-2035	
4	Nậm Tục 2 (mở rộng nâng công suất)	4,0	Phường Nghĩa Lộ	Điều chỉnh, cải tạo lưới điện đầu nối lưới điện 35kV hiện trạng	2031-2035	

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
						QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). - Điều chỉnh mở rộng nâng công suất từ 10MW lên 18MW giai đoạn vận hành từ 2021 -2030 sang giai đoạn 2031-2035 theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) hoặc điều chỉnh sang giai đoạn 2026- 2030 nếu phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh. Dự án đã hòa thành phát điện 10MW. - Điều chỉnh tọa độ vị trí tuyến đập... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
5	Phình Hồ (cải tạo nâng công suất)	8,0	Xã Chế Tạo	Điều chỉnh, cải tạo nâng tiết diện 110kV mạch đơn lên AC240 hoặc tương đương, chiều dài 23km, đầu nối vào trạm mở rộng 110kV Mường Lạ; nâng công suất TBA Phình Hồ lên 35MVA	2031-2035	Điều chỉnh góp dự án TD Khau Chu 6MW và dự án thủy điện Bản Công 6MW thành dự án TD Bản Công, nâng tổng công suất lên thành 16MW và điều chỉnh giai đoạn vận hành từ 2021 -2030 sang giai đoạn 2031-2035 theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
6	Bản Công	16,0	Xã Hành Phúc	Xây dựng máy biến áp công suất 25MVA, xây dựng đường dây 110kV thủy điện Bản Công - TBA 220KV Nghĩa Lộ mạch đơn, chiều dài khoảng 22km.	2031-2035	

STT	Danh mục Quy mô (MW) Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
II	CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH TỈNH TRONG GIAI ĐOẠN 2031 -2035: 10 DỰ ÁN VÀ 357,1MW (CÔNG SUẤT CHƯA PHÂN BỐ CỤ THỂ CHO TỪNG DỰ ÁN), TỔNG CÔNG SUẤT 427,7MW			
1	Mĩ Hàng Tàu (cải tạo nâng công suất)	5,4 Xã Chế Tạo	Điều chỉnh, cải tạo đầu nối vào ngăn lộ MC10,5kV tại Trạm 10,5/110kV Phìn Hồ	2031-2035 - Bổ sung vào quy hoạch (nâng công suất từ 4,6MW lên 10MW) theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh). - Điều chỉnh tọa độ vị trí nhà máy và tuyến đập; Điều chỉnh mực nước hạ lưu nhà máy; bổ sung 02 đập gom nước với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề; các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2	Phìn Hồ 2 (nâng công suất)	4,0 Xã Chế Tạo	Xây dựng đường dây mạch đơn, chiều dài khoảng 4km, đầu nối vào ngăn lộ 110kV tại TBA 110kV Dề Dính Máo; Xây dựng Trạm tăng áp gồm 01 MBA, công suất 28MVA và 01 MBA 16MVA.	2031-2035 - Điều chỉnh phương án đầu nối. - Bổ sung đập gom nước với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề; các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Chú chú
3	Đê Dính Máo (năng công suất)	8,0	Xã Chẽ Tạo	Điều chỉnh, cải tạo nâng tiết diện đường dây mạch đơn AC185 hoặc tương đương, chiều dài khoảng 5km từ nhà máy Đê Dính Máo đến ngân lộ 110kV tại TBA 110kV Phìn Hồ; Xây dựng trạm tăng áp 10,5/110kV tại nhà máy Đê Dính Máo, công suất 35MVA	2031-2035	- Bổ sung vào quy hoạch nâng công suất từ 22MW lên 30MW theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) và điều chỉnh vị trí các hạng mục công trình... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh sang giai đoạn 2026- 2030 nếu phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh.
4	Nha Tràng công (năng suất)	5,4	Xã Chẽ Tạo	Xây dựng đường dây 10,5kV từ nhà máy Nha Tràng đầu nối vào ngân lộ 10,5kV tại TBA 110kV thủy điện Phìn Hồ 2	2031-2035	Bổ sung vào quy hoạch nâng công suất từ 2,6MW lên 8MW) theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) và bổ sung đập gom nước,... với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
5	Suối Bành 1	10,2	Xã Tà Xi Láng	Xây dựng đường dây 35kV, chiều dài khoảng 4,0km đầu nối thủy điện Suối Bành 1 vào TBA 110kV thủy điện Suối Bành 2	2031-2035	- Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh) - Xem xét điều chỉnh giai đoạn thực hiện sang 2026-2030 nếu trong giai đoạn này còn công suất chưa phân bổ và phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh.

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Giai đoạn	Chú chú
6	Phin Hồ 3	12,0	Xã Chế Tạo	Xây dựng đường dây 35kV, chiều dài khoảng 8,0km, đầu nối vào TBA 110kV Phin Hồ 2	2031-2035	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh)
7	Nậm Chang	8,0	Xã Võ Lao	Xây dựng mới đường dây đầu nối mạch kép 35kV, đầu chuyển tiếp trên đường dây 35kV Nậm Mả - Võ Lao dài 5km; Xây dựng mới TBA 35kV TD Nậm Chang, công suất 10MVA	2031-2035	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh)
8	Dèn Thượng Sàng	6,0	Dèn Sàng	Xây dựng mới đường dây đầu nối mạch kép 35kV, đầu chuyển tiếp trên đường dây 35kV TD Dèn Sàng-TBA110KV TD Sàng Ma Sáo chiều dài khoảng 3km; Xây dựng mới TBA 35kV TD Dèn Sàng Thượng, công suất 8MVA.	2031-2035	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
9	Nậm Đông III mở rộng	8	xã Trạm Tàu	Mở rộng ngăn lộ tại trạm tăng áp nhà máy thủy điện Nậm Đông III hiện hữu và lắp thêm 01 máy biến áp có công suất 10MVA.	2031-2035	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất phân bổ cho tỉnh Lào Cai) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt
10	Nậm Đông IV mở rộng	3,6	Phường Nghĩa Lộ	Đầu nối vào đường dây 35kV mạch kép hiện hữu, tại TBA 35kV tăng thêm 1 MBA 5.600KVA, nâng tiết diện dây AC-120 lên dây AC-150 hoặc tương đương	2031-2035	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất phân bổ cho tỉnh Lào Cai) với điều kiện dự án không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phía thượng và hạ lưu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Giai đoạn	Ghi chú
	Một số dự án khác	357,1	Tỉnh Lào Cai	Linh hoạt	2031-2035	Tên dự án, quy mô công suất các dự án điều chỉnh mở rộng, bổ sung sẽ được UBND tỉnh quyết định phê duyệt khi các dự án đã được khảo sát, đánh giá cụ thể.

Ghi chú:

(*) Phương án đầu nối cụ thể của các dự án sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án và có ý kiến tham gia của cơ quan, đơn vị quản lý vận hành, chủ tài sản trạm biến áp và đường dây đầu nối.

(**) Dự án thủy điện Nậm Tha Thượng: Phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đất đai, ảnh hưởng đến rừng tự nhiên của dự án và chỉ được triển khai sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền về chuyển rừng tự nhiên sang mục đích khác để triển khai dự án.

(***) Các dự án thủy điện chuyển từ giai đoạn 2026 - 2030 sang giai đoạn 2031 - 2035 hoặc từ giai đoạn 2031 - 2035 sang giai đoạn 2026- 2030 chỉ được xem xét, chấp thuận khi giai đoạn đó còn công suất chưa phân bổ và phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia điều chỉnh hoặc có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để đảm bảo an ninh năng lượng, tăng trưởng kinh tế địa phương, hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo tại một trong các văn bản pháp lý sau: Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Lãnh đạo Chính phủ, thông báo ý kiến, kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh,...

(****) Các dự án điều chỉnh mở rộng, nâng công suất (Mây Hồ, Trung Chải,...) trong phần công suất phân bổ cho tỉnh Lào Cai, chỉ được xem xét chấp thuận khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương.

(*****) Các dự án thủy điện tiềm năng (TD Ngòi Thia, TD Sùng Đò, TD Thác Song, TD Hồng Ca, TD Nậm Mười, TD Ngòi Ninh, TD Ngòi Nậm, TD Ngòi Lao 3, TD Nậm Pành, Nậm Pá, Tả Hồ, Khánh Yên...) và các dự án thủy điện nhỏ khác trong công suất nguồn thủy điện chưa phân bổ cụ thể giai đoạn 2031- 2035 sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng toàn diện, báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép triển khai các bước tiếp theo nếu đảm bảo các yêu cầu về kinh tế - kỹ thuật, môi trường, dân cư, hạ tầng dọc sông, tưới tiêu, giao thông thủy - bộ, nhu cầu hệ thống điện, không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kế phía thượng và hạ lưu trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(*****) Giải thích từ ngữ:

- Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Viết tắt là QĐ số 768/QĐ-TTg.

- Văn bản số 841/UBND-CN ngày 07/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc đề xuất các danh mục dự án nguồn và lưới điện để cập nhật trong điều chỉnh Quy hoạch điện VIII: Viết tắt là VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh.

- Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Viêt tắt là QĐ số 262/QĐ-TTg.
- Văn bản số 1226/UBND-KT ngày 07/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc đề xuất danh mục các dự án nguồn và lưới điện đồng bộ để cấp nhật trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII: Viêt tắt là VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh.

II. Điện sinh khối (ĐSK)

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐIỆN SINH KHỐI: 04 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 208 MW (GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 LÀ 190MW, GIAI ĐOẠN 2031 -2035 LÀ 18MW)						
1	ĐSK Yên Bái 1	50	Xã Mậu A	ĐZ 110kV mạch đơn đầu về TBA 110 kV Văn Yên	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
2	ĐSK Trường Minh	58	Phường Văn Phú	XDM ĐZ 220kV Trường Minh - Yên Bái	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
3	ĐSK Lục Yên	32	Xã Khánh Hoà	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Lục Yên - Bảo Thắng	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
	ĐSK Lục Yên	18			2031-2035	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
4	ĐSK Bảo Thắng	50	Xã Tằng Loỏng	Xây dựng mới TBA 110kV ĐSK Bảo Thắng công suất 2x40MVA; Xây dựng mới đường dây nhánh rẽ TBA 110kV ĐSK Bảo Thắng mạch kép, chiều dài khoảng 2 km đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA Gang thép Lào Cai – TBA 220kV Bảo Thắng	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg

III. Điện gió (ĐG)

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
-----	----------	-------------	-------------------	-------------------	------------------------------	---------

BỘ SƯNG CẬP DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ: 03 DỰ ÁN, TỔNG CÔNG SUẤT 360MW, GIAI ĐOẠN 2021-2030						
1	ĐG Trạm Tầu 1	100	Xã Hạnh Phúc và Trạm Tầu	Đường dây 220kV 1 mạch đầu nối từ TBA 220kV NMDG Trạm Tầu 1 về TBA 220kV Nghĩa Lộ	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
2	ĐG Nậm Búng	200	Xã Gia Hội, Hạnh Phúc, Mù Cang Chải	DZ 220kV hai mạch đầu nối chuyên tiếp trên DZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
3	ĐG Trạm Tầu	60	Xã Hạnh Phúc và Trạm Tầu	Đường dây 110kV 1 mạch đầu nối từ TBA 110kV NMDG Trạm Tầu về ngăn lộ 110kV TBA 220kV Nghĩa Lộ	2026-2030	Cập nhật, bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg

IV. Điện mặt trời (DMT)

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
	A+B: TRÊN 16 DỰ ÁN VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 2.928 MW					
A	GIAI ĐOẠN 2021-2030: 16 DỰ ÁN VÀ 1.104MW (ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ) VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 2.865MW					
I	CÁC DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI TẬP TRUNG: 16 DỰ ÁN VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 1.761MW					
1	DMT Yên Bình	500	Tỉnh Lào Cai	- Đối với Cụm Cẩm Ân: XDM TBÁ tăng áp 22/220kV công suất 3x63MVA XDM DZ 220kV mạch kép từ NMD MT Yên Bình chuyên tiếp 1 mạch DZ 220kV Bảo Thắng - Yên Bái; - Đối với cụm Phúc An: XDM TBÁ 22/220kV công suất 7x63MVA, XDM DZ 220kV	2026-2030	Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch theo Quyết định số 768/QĐ-TTg

STT		Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
2	DMT nội Hồ Thác Bà	500	Tỉnh Lào Cai	mạch kép từ NMD MT Yên Bình chuyển tiếp trên DZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang. DZ 220kV mạch kép đấu nối về thanh cái 220kV trạm 220kV Yên Bái.	2026-2030	Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
3	DMT Mỹ Gia 2	580	Tỉnh Lào Cai	Xây dựng DZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 220kV nhà máy DMT nội hồ Thác Bà đấu chuyển tiếp trên DZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	2026-2030	Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
4	DMT Tân Lĩnh	50	Tỉnh Lào Cai	Xây dựng TBA tăng áp 22/110kV công suất 1x63MVA; Xây dựng DZ 110kV mạch đơn từ Nhà máy điện mặt trời Tân Lĩnh đấu nối 1 vào ngăn lộ 110kV TBA 220kV Lục Yên	2026-2030	Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
5	DMT Nậm Đông IV (có pin lưu trữ)	20	Tỉnh Lào Cai	Xây dựng TBA 0,8/35 kV NMD mặt trời Nậm Đông IV công suất 4x6300kVA và 01 ngăn xuất tuyến 35 kV; Đường dây 35 kV mạch kép dài khoảng 15 km từ NMD mặt trời Nậm Đông IV đến trạm 110 kV Nghĩa Lộ; Mở rộng 02 ngăn lộ 35 kV tại TBA 110 kV Nghĩa Lộ.	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ- (hồ sơ đề xuất QH và VB số 841/UBND-CN của UBND tỉnh)
6	DMT Yên Bái	6,0	Tỉnh Lào Cai	Đấu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
						tỉnh Yên Bái - nay là tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
7	DMT Trung Hồ (nổi trên lòng hồ)	5,0	Xã Bát Xát	Xây dựng mới đường dây 35kV, đầu nối về TBA 110kV Ngòi Xan; Xây dựng mới TBA 35kV, công suất 7MVA	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (thứ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
8	DMT Lào Cai 1	20	Tỉnh Lào Cai	Đầu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
9	DMT Lào Cai 2	10	Tỉnh Lào Cai	Đầu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
10	DMT Lào Cai 3	10	Tỉnh Lào Cai	Đầu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
11	DMT Lào Cai 4	10	Tỉnh Lào Cai	Đầu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
						tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
12	DMT Lào Cai 5	10	Tỉnh Lào Cai	Đấu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
13	DMT Lào Cai 6	10	Tỉnh Lào Cai	Đấu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
14	DMT Lào Cai 7	10	Tỉnh Lào Cai	Đấu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
15	DMT Lào Cai 8	10	Tỉnh Lào Cai	Đấu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương

STT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đấu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
16	ĐMT Lào Cai 9	10	Tỉnh Lào Cai	Đầu nối vào lưới điện 35kV hoặc 110kV khu vực	2026-2030	Bổ sung vào quy hoạch tỉnh theo QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất tăng thêm cho tỉnh Lào Cai chưa phân bổ) và với điều kiện có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương
II	TỔNG CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ	1.104		Linh hoạt (Đầu nối vào lưới điện phân phối trung, hạ áp,...)	2026-2030	Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch theo QĐ số 262/QĐ-TTg và QĐ số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất phân bổ tăng thêm cho tỉnh Lào Cai)
B	GIẢI ĐOẠN 2031-2035	63				
I	DIỆN MẶT TRỜI TẬP TRUNG	0				
II	TỔNG CÔNG SUẤT ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ	63		Linh hoạt (Đầu nối vào lưới điện phân phối trung, hạ áp,...)	2031-2035	Cập nhật, bổ sung vào quy hoạch theo Quyết định số 768/QĐ-TTg (trong tổng công suất phân bổ tăng thêm cho tỉnh Lào Cai)

Ghi chú:

(*) Phương án đầu nối cụ thể của các dự án sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án và có ý kiến chấp thuận của cơ quan, đơn vị quản lý vận hành, chủ tài sản đường dây, trạm biến áp đầu nối trước khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

(**) Các dự án điện mặt trời tập trung (ĐMT Yên Bái, ĐMT Lào Cai 1, ĐMT Lào Cai 2, ĐMT Lào Cai 3, ĐMT Lào Cai 4, ĐMT Lào Cai 5, ĐMT Lào Cai 6, ĐMT Lào Cai 7, ĐMT Lào Cai 8, ĐMT Lào Cai 9) trong phần công suất được phân bổ cho tỉnh Lào Cai cần được xem xét, đánh giá kỹ các tác động về môi trường, đất đai... và chỉ được xem xét, chấp thuận khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương.

V. Điện rác

TT	Danh mục	Quy mô (MW)	Địa điểm xây dựng	Phương án đầu nối	Năm/Giai đoạn đầu tư dự kiến	Ghi chú
BỔ SUNG 03 DỰ ÁN ĐIỆN RÁC VỚI TỔNG CÔNG SUẤT 13MW, GIAI ĐOẠN 2021 -2030						
1	Điện rác Lào Cai	6	Tỉnh Lào Cai	Đường dây (DZ) 35 kV đầu nối vào đường dây 35KV địa phương hiện có. Xây dựng mới TBA 35 kV công suất 8,0 MVA	2026-2030	Bổ sung theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
2	Điện rác Bảo Thắng	6	Tỉnh Lào Cai	Đường dây (DZ) 35 kV đầu nối vào đường dây 35KV địa phương hiện có. Xây dựng mới TBA 35 kV công suất 8,0 MVA	2026-2030	Bổ sung theo QĐ số 768/QĐ-TTg (hồ sơ đề xuất QH và VB số 1226/UBND-KT của UBND tỉnh)
3	Điện rác khác	1	Tỉnh Lào Cai	Linh hoạt	2026-2030	Bổ sung theo Quyết định số 768/QĐ-TTg

VI. Lưới điện truyền tải

1. Lưới điện 500kV

1.1. Danh mục Trạm biến áp 500kV

STT	Hạng mục	Công suất (MVA)	Ghi chú
	Giai đoạn 2025-2030		

1	Yên Bái	1.800	Xây dựng mới
2	Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	3.000	Xây dựng mới

1.2. Danh mục đường dây 500kV

STT	Hạng mục	Quy mô (số mạch/km)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	ĐZ 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên	2*210	Đã hoàn thành
2	Đầu nối Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	4*2	Xây dựng mới
3	Đường dây 500kV Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào Cai	2*65	Xây dựng mới
4	Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên	2*100	Xây dựng mới
5	Đường dây 500kV Yên Bái - Rẽ Lào Cai - Vĩnh Yên	4*20	Xây dựng mới
6	Đường dây 500kV Than Uyên-Yên Bái.	4*170	Xây dựng mới
II	Giai đoạn 2031-2050		
1	Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên	2*180	Xây dựng mới

2. Lưới điện 220 kV

2.1. Danh mục TBA 220kV truyền tải

STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025 - 2030		
1	Bắc Hà	250	Xây dựng mới



STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
2	Bạt Xát	500	Xây dựng mới
3	Lào Cai 500kV nối cấp	500	Xây dựng mới
4	Văn Bàn	250	Xây dựng mới
5	Lục Yên	250	Xây dựng mới
6	Yên Bái 1	500	Xây dựng mới
7	Yên Bái 2	500	Xây dựng mới
8	Yên Bái	500	Cải tạo, nâng công suất
II	Giai đoạn 2031 - 2050		
1	Lào Cai 2	250	Xây dựng mới
2	NL TT Lào Cai 3	500	Xây dựng mới
3	Lào Cai 500kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
4	Văn Bàn	500	Cải tạo, nâng công suất

2.2. Danh mục TBA 220kV nhà máy phát điện

Danh mục các trạm biến áp tăng áp của các nhà máy phát điện sẽ được xác định cụ thể trong dự án đảm bảo phù hợp với cấp điện áp, quy mô công suất phát của nhà máy.

2.3. Danh mục đường dây 220kV truyền tải

STT	Danh mục	Quy mô (số mạch/km)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025 - 2030		
1	Bát Xát - 500kV Lào Cai	2*47	Xây dựng mới
2	Đầu nối 500kV Lào Cai	4*5	Xây dựng mới
3	Bắc Hà - 500kV Lào Cai	1*50	Xây dựng mới
4	Than Uyên - 500kV Lào Cai	2*73	Xây dựng mới
5	Văn Bàn - Rẽ Than Uyên - 500kV Lào Cai	4*10	Xây dựng mới
6	Lục Yên - Rẽ 220kV Lào Cai – Yên Bái	4*5	Xây dựng mới
7	Yên Bái 2 - Yên Bái 500kV	2*10	Xây dựng mới
8	500kV Yên Bái - Rẽ Yên Bái - Tuyên Quang	4*5	Xây dựng mới
9	Yên Bái 1 - Yên Bái 500kV	2*10	Xây dựng mới
10	Nâng cao khả năng tải Lào Cai 500kV - Lục Yên	2*90	Cải tạo, nâng cấp
11	Chuyển đầu nối Bắc Quang - Lục Yên	2*1	Cải tạo, nâng cấp
12	Nâng cao khả năng tải Lục Yên - Yên Bái	2*58	Cải tạo, nâng cấp
13	Nâng cao khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2*36	Cải tạo, nâng cấp
14	ĐZ 220kV hai mạch đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ		Xây dựng mới
II	Giai đoạn 2031 - 2050		
1	Lào Cai 2 - Rẽ Lào Cai 220kV - Trung Quốc	2*4	Xây dựng mới
2	NLTT Lào Cai 3 - 500kV Lào Cai	2*20	Xây dựng mới

2.4. Danh mục đường dây 220kV đầu nối nhà máy phát điện

STT	Danh mục	Quy mô (số mạch/km)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025 - 2030	435	
1	TĐ Bắc Hà chuyển đầu nối 500kV Lào Cai	1*5	Xây dựng mới
2	Đầu nối TĐ An Bình	2*10	Xây dựng mới
3	Đầu nối TĐ An Thịnh	2*10	Xây dựng mới
4	Đầu nối TĐ Việt Thành	2*10	Xây dựng mới
5	XDM ĐZ 220kV Trường Minh - Yên Bái		Xây dựng mới
6	Đường dây 220kV 1 mạch đầu nối từ TBA 220kV NMDG Trạm Tầu 1 về TBA 220kV Nghĩa Lộ		Xây dựng mới

7	ĐZ 220kV hai mạch đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ		Xây dựng mới
8	- Đối với Cúm Cẩm An: XDM TBA tăng áp 22/220kV công suất 3x63MVA XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMD MT Yên Bình chuyển tiếp 1 mạch ĐZ 220kV Bảo Thắng - Yên Bái; - Đối với cụm Phúc An: XDM TBA 22/220kV công suất 7x63MVA, XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMD MT Yên Bình chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.		Xây dựng mới (ĐMT Yên Bình)
9	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối về thanh cái 220kV trạm 220kV Yên Bái.		Xây dựng mới (ĐMT nối Hồ Thác Bà)
II	Giai đoạn 2031 - 2050		
1	NLTT Lào Cai 3 - 500kV Lào Cai	2*20	Xây dựng mới

3. Lưới điện phân phối

3.1. Danh mục trạm biến áp 110 KV phân phối

STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2021 - 2025		
1	Nâng công suất T1, T2 Trạm 110kV Lào Cai	2*63	Đã hoàn thành
2	TBA 110kV Lào Cai 2 và nhánh rẽ	40	Đã hoàn thành
3	Đường dây và TBA 110kV Nam	2*40	Đang thực hiện
4	Đường dây và TBA 110kV Bàn Qua	2*40	Đang thực hiện
5	ĐD và TBA 110kV Văn Yên	40	Đã hoàn thành
6	Đường dây và TBA 110kV Yên Thế	25	Đã hoàn thành
7	Nâng công suất MBA T1 TBA 110kV	63	Đã hoàn thành
8	Lắp đặt MBA T2 TBA 110kV Yên Bái	63	Đã hoàn thành
9	Đường dây và TBA 110kV Bảo Hưng	63	Đã hoàn thành
10	Đường dây và TBA 110kV Âu Lâu	40	Đang thực hiện
II	Giai đoạn 2026 - 2030		
1	TBA 110kV Đồng Tuyển	2*63	Xây dựng mới
2	TBA 110kV Bắc Ngầm	63	Xây dựng mới
3	TBA 110kV Cam Cọn	2*40	Xây dựng mới
4	TBA 110kV Cốc Mỳ	2*40	Xây dựng mới
5	TBA 110kV Y Tý	40	Xây dựng mới
6	TBA 110kV Tân Thượng	40	Xây dựng mới
7	TBA 110kV Võ Lao	2*40	Xây dựng mới
8	TBA 110kV Bắc Hà	25	Xây dựng mới
9	TBA 110kV Bản Lầu	63	Xây dựng mới



STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
10	TBA 110kV Mường Khương	25	Xây dựng mới
11	TBA 110kV Bảo Thắng	40	Xây dựng mới
12	TBA 110kV Nậm Chạc	2*25	Xây dựng mới
13	Trạm cắt Tri Quang	-	Xây dựng mới 06 ngăn lộ
14	TBA 110kV Trấn Yên	2*40	Xây dựng mới
15	TBA 110kV Thịnh Hưng	2*63	Xây dựng mới
16	TBA 110kV Yên Bình	40	Xây dựng mới
17	TBA 110kV KCN Đông An	40	Xây dựng mới
18	TBA 110kV KCN Minh Quân	2*40	Xây dựng mới
19	TBA 110kV KCN Phía Nam 1	63	Xây dựng mới
20	TBA 110kV KCN Phía Nam 2	63	Xây dựng mới
21	TBA 110kV KCN Việt Hồng 1	40	Xây dựng mới
22	TBA 110kV KCN Việt Hồng 2	40	Xây dựng mới
23	TBA 110kV KCN Cam Đường	40	Xây dựng mới
24	TBA 110kV KCN Thịnh Hưng	40	Xây dựng mới
25	TBA 110kV KCN Y Can	63	Xây dựng mới
26	TBA 110kV KCN Lục Yên	63	Xây dựng mới
27	TBA 110kV KCN Cốc Mỹ - Trịnh	63	Xây dựng mới
28	TBA 110kV KCN Võ Lao	63	Xây dựng mới
29	TBA 110kV KCN Phú Xuân	63	Xây dựng mới
30	TBA 110kV KCN Phú Xuân 1	40	Xây dựng mới
31	TBA 110kV KCN Bát Xát	40	Xây dựng mới
32	TBA 110kV KCN Tăng Loỏng	63	Xây dựng mới
33	TBA 110kV KCN Thống Nhất	2*40	Xây dựng mới
34	TBA 110kV Nhà máy thép	3*63	Xây dựng mới
35	TBA 110kV Mù Cang Chải	25	Xây dựng mới
36	Các TBA 110kV đường sắt Lào Cai-Hải Phòng (Dự kiểu 03 TBA) và đường dây đầu nối (Vị trí cụ thể theo dự án đầu tư)	2*25 2*25 2*25	Xây dựng mới
37	TBA CCN Châu Quế Thượng	40	Xây dựng mới
38	TBA CCN Nậm Búng	40	Xây dựng mới
39	TBA CCN Cam Đường 3 (đổi tên: theo QH là CCN Cam Đường)	40	Xây dựng mới
40	TBA CCN Thái Niên	40	Xây dựng mới
41	TBA CCN Phong Hải	40	Xây dựng mới
42	TBA CCN Phú Nhuận	40	Xây dựng mới
43	TBA CCN Phong Niên	40	Xây dựng mới
44	TBA 110kV CCN Tân Lĩnh	40	Xây dựng mới
	TBA 110kV CCN Phú Thịnh 1	40	



STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
45	CCN Phú Thịnh 2		Xây dựng mới
46	TBA 110kV CCN Phú Thịnh 3 CCN Phú Thịnh 4	2*40	Xây dựng mới
47	TBA 110kV CCN Phú Thịnh 5 CCN Phú Thịnh 6	2*40	Xây dựng mới
48	TBA 110kV CCN Thống Nhất 1	40	
49	TBA 110kV CCN An Thịnh	40	Xây dựng mới
50	TBA 110kV CCN Bảo Thắng	40	Xây dựng mới
51	TBA 110kV CCN Bản Phung	40	Xây dựng mới
52	TBA 110kV CCN Bản Phiệt 1	40	Xây dựng mới
53	TBA CCN Cam Đường 1 Cam Đường 2	40	Xây dựng mới
54	TBA 110kV CCN Phố Ràng 1 CCN Phố Ràng 2	40	Xây dựng mới
55	TBA 110kV CCN Quang Kim 1	40	Xây dựng mới
56	TBA 110kV CCN Mông Sơn CCN Tân Nguyên	40	Xây dựng mới
57	TBA 110kV CCN An Bình	40	Xây dựng mới
58	Thống Nhất		Xây dựng mới
59	CCN Ngòi A	40	Xây dựng mới
60	TBA 110kV CCN Yên Hưng	40	Xây dựng mới
61	TBA 110kV CCN Bản Phiệt 2	40	Xây dựng mới
62	TBA 110kV CCN Yên Hợp 1 TBA 110kV CCN Yên Hợp 2	40	Xây dựng mới
63	TBA 110kV Yên Bái	2*63	Cải tạo, nâng công suất
64	TBA 110kV Yên Bái 2	2*63	Cải tạo, nâng công suất
65	TBA 110kV Lục Yên	25+40	Cải tạo, nâng công suất
66	TBA 110kV Văn Yên	2*40	Cải tạo, nâng công suất
67	TBA 110kV Bảo Hưng	2*63	Cải tạo, nâng công suất
68	TBA 110kV Yên Thế	2*25	Cải tạo, nâng công suất
69	TBA 110kV Nghĩa Lộ	2*40	Cải tạo, nâng công suất
70	TBA 110kV Ba Khe	2*25	Cải tạo, nâng công suất
71	TBA 110kV Bảo Yên	2*40	Cải tạo, nâng công suất
72	TBA 110kV Sa Pa	2*40	Cải tạo, nâng công suất
73	TBA 110kV Văn Bàn	2*40	Cải tạo, nâng công suất
74	TBA 110kV Nam Thành Phố	2*40	Cải tạo, nâng công suất
75	TBA 110kV Đồng Tuyển	3*63	Cải tạo, nâng công suất
76	TBA 110kV Lào Cai 2	2*40	Cải tạo, lắp bổ sung
77	TBA 110kV Tăng Loỏng	63	Cải tạo, nâng công suất
78	TBA 110kV Bản Qua	2*63	Cải tạo, nâng công suất



STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
79	TBA 110kV Tân Thượng	2*40	Cải tạo, nâng công suất
80	TBA 110kV Âu Lâu	2*40	Cải tạo, lắp bổ sung
III	Giai đoạn 2031 - 2050		
1	TBA 110kV KCN Lục Yên	63	Xây dựng mới
2	TBA 110kV KCON Y Can	63	Xây dựng mới
3	TBA 110kV Trạm Tấu	25	Xây dựng mới
4	TBA 110kV Yên Bình 2	63	Xây dựng mới
5	TBA 110kV Phú Thịnh	63	Xây dựng mới
6	TBA 110kV Văn Chấn	40	Xây dựng mới
7	TBA 110kV Văn Yên	2*63	Cải tạo, nâng công suất
8	TBA 110kV Yên Thế	2*40	Cải tạo, nâng công suất
9	TBA 110kV Âu Lâu	2*63	Cải tạo, nâng công suất
10	TBA 110kV Thịnh Hưng	2*63	Cải tạo, nâng công suất
11	TBA 110kV Yên Bình	40+63	Cải tạo, nâng công suất
12	TBA 110kV KCN Đông An	2*40	Cải tạo, nâng công suất
13	TBA 110kV Nghĩa Lộ	2*63	Cải tạo, nâng công suất
14	TBA 110kV Ba Khe	25+40	Cải tạo, nâng công suất
15	TBA 110kV Mù Cang Chải	2*25	Cải tạo, nâng công suất
16	TBA 110kV KCN Lục Yên	2*63	Cải tạo, nâng công suất
17	TBA 110kV KCN Châu Quế	2*63	Cải tạo, nâng công suất
18	TBA 110kV KCN Y Can	2*63	Cải tạo, nâng công suất
19	TBA 110kV KCN Việt Hồng 1	2*63	Cải tạo, nâng công suất
20	TBA 110kV KCN Việt Hồng 2	2*40	Cải tạo, nâng công suất
21	TBA 110kV KCN Cam Đường	2*40	Cải tạo, nâng công suất
22	TBA 110kV KCN Đông An	2*40	Cải tạo, nâng công suất
23	TBA 110kV KCN Y Can	2*63	Cải tạo, nâng công suất
24	TBA 110kV KCN Lục Yên	2*63	Cải tạo, nâng công suất
25	TBA 110kV KCN Cốc Mỹ-Trịnh Tường	2*63	Cải tạo, nâng công suất
26	TBA 110kV KCN Võ Lao	2*63	Cải tạo, nâng công suất
27	TBA 110kV KCN Phú Xuân	2*63	Cải tạo, nâng công suất
28	TBA 110kV Sa Pa	2*63	Cải tạo, nâng công suất
29	TBA 110kV Lào Cai 2	2*63	Cải tạo, nâng công suất
30	TBA 110kV Nam thành phố	2*63	Cải tạo, nâng công suất
31	TBA 110kV Văn Bàn	2*63	Cải tạo, nâng công suất
32	TBA 110kV Võ Lao	2*63	Cải tạo, nâng công suất
33	TBA 110kV Cốc Mỹ	2*63	Cải tạo, nâng công suất
34	TBA 110kV Y Tý	2*63	Cải tạo, nâng công suất
35	TBA 110kV Bảo Thắng	2*63	Cải tạo, nâng công suất



STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
36	TBA 110kV Bắc Hà	2*40	Cải tạo, nâng công suất
37	TBA 110kV Mường Khương	2*40	Cải tạo, nâng công suất
38	TBA 110kV Bản Lầu	2*63	Cải tạo, nâng công suất
39	TBA 110kV Bắc Ngầm	2*63	Cải tạo, nâng công suất
	TỔNG CỘNG	6.359	

3.2. Danh mục trạm biến áp 110 kV nhà máy phát điện

STT	Danh mục	Quy mô (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2021 - 2025		
II	Giai đoạn 2026 - 2030		
1	TBA 110kV TĐ Thái Niên	2*45	Xây dựng mới
2	TBA 110kV TĐ Bảo Hà	2*45	Xây dựng mới
3	TBA 110kV Tà Lơi 1	30	Xây dựng mới
4	TBA 110kV TĐ Sàng Ma Sáo	20+30	Xây dựng mới
5	TBA 110kV TĐ A Lù	2*30	Xây dựng mới
6	TBA 110kV TĐ A Lù 1	2*13	Xây dựng mới
7	TBA 110kV TĐ Nậm Cang	28	Xây dựng mới
8	TBA 110kV TĐ Nậm Trung	40	Xây dựng mới
9	TBA 110kV TĐ Trung Chải	25	Xây dựng mới
10	TBA 110kV TĐ Yên Hà	32	Xây dựng mới
11	TBA 110kV TĐ Nậm Khóa	2*12.5	Xây dựng mới
12	TBA 110kV TĐ Võ Lao	25	Xây dựng mới
13	TBA 110kV TĐ Ngòi Nhủ 2	16	Xây dựng mới
14	TBA 110kV TĐ Lán Bò	25+32	Xây dựng mới
15	TBA 110kV TĐ Suối Chăn	10	Xây dựng mới
16	TBA 110kV TĐ Nậm Mu	20	Xây dựng mới
17	TBA 110kV TĐ Suối Chăn 2	25+11	Xây dựng mới
18	TBA 110kV TĐ Nậm Khánh	40	Xây dựng mới
19	TBA 110kV TĐ Nậm Hu 1	20	Xây dựng mới
20	TBA 110kV TĐ Si Ma Cai	25	Xây dựng mới
21	TBA 110kV TĐ Bản Me	10	Xây dựng mới
22	TBA 110kV TĐ Nậm Khánh	40	Xây dựng mới
23	TBA 110kV ĐSK Bào Thắng	2*40	Xây dựng mới
24	TBA 110kV TĐ Minh Lương Thượng	27,5	Cải tạo, nâng công suất
25	TBA 110kV TĐ Nậm Tha	66+54	Cải tạo, nâng công suất
26	TBA 110kV TĐ Yên Hà	66+54	Cải tạo, nâng công suất
27	TBA 110kV TĐ Nậm Khóa 3	3*12,5	Cải tạo, nâng công suất
III	Giai đoạn 2031 - 2050		

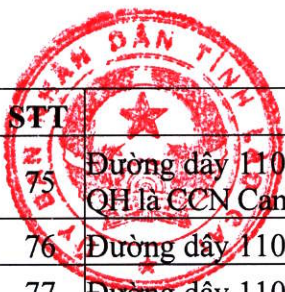
3.3. Danh mục đường dây 110kV phân phối

STT	Danh mục	Ghi chú
I	Giai đoạn 2021 - 2025	
1	Treo dây mạch 2 ĐD 110kV từ TBA 220kV Bảo Thắng - 110kV Văn Bàn	Đã hoàn thành
2	TBA 110kV Lào Cai 2 và nhánh rẽ	Đã hoàn thành
3	Cải tạo đường dây 110kV Lào Cai - Cốc Xan - Than Uyên	Đã hoàn thành giai đoạn 1
4	Đường dây và TBA 110kV Nam Thành Phố, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
5	Đường dây và TBA 110kV Bản Qua, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
6	02 Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
7	04 Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
8	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Lục Yên, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
9	TĐ Thác Bà 2 - Đường dây Thác Bà - Đoan Hùng	Đã hoàn thành
10	ĐD và TBA 110kV Văn Yên	Đã hoàn thành
11	Đường dây và TBA 110kV Yên Thế, tỉnh Yên Bái	Đã hoàn thành
12	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV Yên Bái - TBA 110kV Yên Bái (Xóa T Yên Bái)	Đang thực hiện
13	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Nghĩa Lộ	Đang thực hiện
14	Đường dây và TBA 110kV Bảo Hưng	Đã hoàn thành
15	Đường dây và TBA 110kV Âu Lâu, tỉnh Yên Bái	Đang thực hiện, đấu nối về TBA 110kV Bảo Hưng
II	Giai đoạn 2026 - 2030	
1	Nhánh rẽ TBA 110kV Đồng Tuyển (Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm 110kV Lào Cai 2 - 110kV Lào Cai)	Xây dựng mới
2	Xuất tuyến sau Trạm cắt Trì Quang (Đầu nối vào NR TĐ Nậm Phàng, Nậm Khánh)	Xây dựng mới
3	Xuất tuyến sau trạm cắt Trì Quang (Đầu nối vào ĐZ 110kV Bảo Thắng - Yên Bái)	Xây dựng mới
4	Nhánh rẽ Bắc Ngầm (Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV trạm 220kV Bảo Thắng- Trạm cắt Trì Quang)	Xây dựng mới
5	Nhánh rẽ TBA 110kV Cam Cộn (Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Bảo Thắng - Văn Bàn)	Xây dựng mới
6	Nhánh rẽ TBA Cốc Mỹ (Đầu về thanh cái 110kV trạm 220kV Bát Xát)	Xây dựng mới
7	Nhánh rẽ TBA 110kV Nậm Chạc (Đầu nối TBA Nậm Chạc - TBA 220kV Bát Xát)	Xây dựng mới
8	Đường dây 110kV Y Tý - TĐ Nậm Chạc (Đầu nối TBA Y Tý)	Xây dựng mới
9	Nhánh rẽ TBA 110kV Tân Thượng (Đầu nối chuyển tiếp ĐZ 110kV Văn Bàn - Suối Chăn 2)	Xây dựng mới
10	ĐZ 110kV Văn Bàn - Minh Lương (Từ trạm 110kV Văn Bàn đi Minh Lương)	Xây dựng mới
11	Nhánh rẽ TBA 110kV Võ Lao (Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV từ 220kV Bảo Thắng - Văn Bàn)	Xây dựng mới

STT	Danh mục	Ghi chú
12	Nhánh rẽ TBA 110kV Bắc Hà (Đầu nối về thanh cái TBA 110kV Bảo Nhai)	Xây dựng mới
13	Nhánh rẽ TBA 110kV Bản Lầu (Đầu nối từ TBA 110kV Bản Lầu - TBA 110kV Nam Thành Phố)	Xây dựng mới
14	Nhánh rẽ TBA 110kV Mường Khương (Đầu nối từ TBA 110kV Bản Lầu - TBA 110kV Mường Khương)	Xây dựng mới
15	TBA 110kV Văn Yên - TBA 110kV Trấn Yên	Xây dựng mới
16	ĐZ TBA 110kV Trấn Yên - TBA 110kV Âu Lâu	Xây dựng mới
17	Nhánh rẽ TBA 110kV Thịnh Hưng (Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Thác Bà - 220kV Yên Bái)	Xây dựng mới
18	TBA 220kV Yên Bái - Yên Bái (Xóa chữ T TBA 110kV Yên Bái)	Xây dựng mới
19	TBA 110kV Mù Cang Chải - TĐ Khao Mang Thượng	Xây dựng mới
20	KCN Minh Quân - Rẽ TBA 220kV Yên Bái - Bảo Hưng (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA 220kV Yên Bái - Bảo Hưng)	Xây dựng mới
21	KCN Đông An - Văn Yên (Đầu chuyển tiếp trên đường 110kV Văn Yên - 220kV Lục Yên)	Xây dựng mới
22	Yên Bình - Rẽ Thác Bà - 110kV Tuyên Quang 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thác Bà - Tuyên Quang)	Xây dựng mới
23	TBA 110kV NM Thép - 220kV Yên Bái	Xây dựng mới
24	Thác Bà - Đoan Hùng	Cải tạo, nâng cấp
25	Thác Bà - 220kV Yên Bái	Cải tạo, nâng cấp
26	Ba Khe - Phù Yên	Cải tạo, nâng cấp
27	Thác Bà - Yên Bái - Rẽ Văn Yên	Cải tạo, nâng cấp
28	Đường dây 110kV Yên Bái - 220kV Yên Bái	Cải tạo, nâng cấp
29	Đường dây 110kV Văn Yên - Thanh cái 110kV trạm 220kV Lục Yên	Cải tạo, nâng cấp
30	TBA 220kV Nghĩa Lộ - TĐ Ngòi Hút 2	Cải tạo, nâng cấp
31	110kV Bắc Quang - Khánh Hòa (Cải tạo T110 Lục Yên - Nhánh rẽ T110 Yên Thế - T110 Bắc Quang)	Cải tạo, nâng cấp
32	220kV Lục Yên - Bảo Yên	Cải tạo, nâng cấp
33	TĐ Phúc Long - 220kV Yên Bái	Cải tạo, nâng cấp
34	Đường dây 110kV Cốc San - Sa Pa (cải tạo đến cột ranh giới đi Lai Châu)	Nâng tiết diện chống quá tải (bổ sung thêm)
35	ĐZ 110kV Sử Pán 2 - Tầng Loỏng	Nâng tiết diện chống quá tải (bổ sung thêm)
36	Cải tạo đường dây 110kV đầu nối TĐ Nậm Toóng (từ mạch đơn sang mạch kép để xóa T)	Cải tạo để xóa T
37	Đường dây 110kV Sáo Chong Hồ - Sử Pán 1 - Sa Pa	Nâng tiết diện chống quá tải
38	Đường dây 110kV mạch kép 110kV Lào Cai - 220kV Lào Cai - Gang Thép - 220kV Bảo Thắng và 110kV Lào Cai - 220kV Lào Cai - Tà Thàng - Tầng Loỏng 2 - 220kV Bảo Thắng	Nâng tiết diện chống quá tải



STT	Danh mục	Ghi chú
39	Đường dây 110kV mạch kép 220kV Bảo Thắng – 220kV Yên Bái, Thác Bạ	Nâng tiết diện chống quá tải
40	Đường dây 110kV Mạch kép 220kV Bảo Thắng – Văn Bàn	Nâng tiết diện chống quá tải
41	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Y Tý	Xây dựng mới
42	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Tân Thượng	Xây dựng mới
43	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Võ Lao	Xây dựng mới
44	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Bắc Hà	Xây dựng mới
45	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Bản Lầu	Xây dựng mới
46	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Mường Khương	Xây dựng mới
47	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Bảo Thắng	Xây dựng mới
48	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Nậm Chạc	Xây dựng mới
49	Đường dây 110kV Trạm cắt Tri Quang	Xây dựng mới 06 ngăn lộ
50	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Trấn Yên	Xây dựng mới
51	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Thịnh Hưng	Xây dựng mới
52	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Yên Bình	Xây dựng mới
53	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Đông An	Xây dựng mới
54	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Minh Quân	Xây dựng mới
55	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Phía Nam 1	Xây dựng mới
56	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Phía Nam 2	Xây dựng mới
57	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Việt Hồng 1	Xây dựng mới
58	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Việt Hồng 2	Xây dựng mới
59	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Cam Đường	Xây dựng mới
60	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Thịnh Hưng	Xây dựng mới
61	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Y Can	Xây dựng mới
62	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Lục Yên	Xây dựng mới
63	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Cốc Mỹ - Trịnh Tường	Xây dựng mới
64	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Võ Lao	Xây dựng mới
65	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Phú Xuân	Xây dựng mới
66	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Phú Xuân 1	Xây dựng mới
67	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Bát Xát	Xây dựng mới
68	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Tăng Loỏng	Xây dựng mới
69	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV KCN Thống Nhất	Xây dựng mới
70	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Nhà máy thép	Xây dựng mới
71	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV Mù Cang Chải	Xây dựng mới
72	Đường dây 110kV rẽ các TBA 110kV đường sắt Lào Cai-Hải Phòng (Dự kiểu 03 TBA) và đường dây đấu nối (Vị trí cụ thể theo dự án đầu tư)	Xây dựng mới
73	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Châu Quế Thượng	Xây dựng mới
74	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Nậm Búng	Xây dựng mới



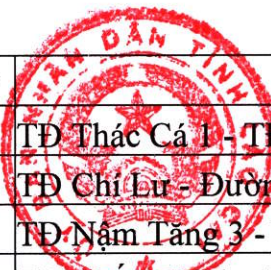
STT	Danh mục	Ghi chú
75	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Cam Đường 3 (đổi tên: theo QH là CCN Cam Đường)	Xây dựng mới
76	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Thái Niên	Xây dựng mới
77	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Phong Hải	Xây dựng mới
78	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Phú Nhuận	Xây dựng mới
79	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Phong Niên	Xây dựng mới
80	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Tân Lĩnh	Xây dựng mới
81	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Phú Thịnh 1	Xây dựng mới
82	Đường dây 110kV rẽ CCN Phú Thịnh 2	Xây dựng mới
83	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Phú Thịnh 3	Xây dựng mới
84	Đường dây 110kV rẽ CCN Phú Thịnh 4	Xây dựng mới
85	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Phú Thịnh 5	Xây dựng mới
86	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Thống Nhất 1	Xây dựng mới
87	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN An Thịnh	Xây dựng mới
88	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Bảo Thắng	Xây dựng mới
89	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Bản Phung	Xây dựng mới
90	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Bản Phiệt 1	Xây dựng mới
91	Đường dây 110kV rẽ TBA CCN Cam Đường 1	Xây dựng mới
92	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Phố Ràng 1	Xây dựng mới
93	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Quang Kim 1	Xây dựng mới
94	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Mông Sơn	Xây dựng mới
95	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN An Bình	Xây dựng mới
96	Đường dây 110kV rẽ CCN Ngòi A	Xây dựng mới
97	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Yên Hưng	Xây dựng mới
98	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Bản Phiệt 2	Xây dựng mới
99	Đường dây 110kV rẽ TBA 110kV CCN Yên Hợp 1	Xây dựng mới
II	Giai đoạn 2031 -2050	
1	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV KCN	Xây dựng mới
2	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV KCN Lục Yên	Xây dựng mới
3	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Trạm Tầu	Xây dựng mới
4	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Yên Bình 2	Xây dựng mới
5	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Phú Thịnh	Xây dựng mới
6	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Văn Chấn	Xây dựng mới
7	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Y Can	Xây dựng mới

3.4. Danh mục đường dây 110kV đấu nối nguồn điện

STT	Danh mục	Ghi chú
I	Giai đoạn 2021 - 2025	
1	Treo dây mạch 2 ĐD 110kV từ TBA 220kV Bảo Thắng - 110kV Văn Bàn	Đã hoàn thành
2	TBA 110kV Lào Cai 2 và nhánh rẽ	Đã hoàn thành

STT	Danh mục	Ghi chú
3	Cải tạo đường dây 110kV Lào Cai - Cốc Xan - Than Uyên	Đã hoàn thành giai đoạn 1
4	Đường dây và TBA 110kV Nam Thành Phố, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
5	Đường dây và TBA 110kV Bản Qua, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
6	02 Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
7	04 Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
8	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Lục Yên, tỉnh Lào Cai	Đang thực hiện
9	TĐ Thác Bà 2 - Đường dây Thác Bà - Đoan Hùng	Đã hoàn thành
10	ĐD và TBA 110kV Văn Yên	Đã hoàn thành
11	Đường dây và TBA 110kV Yên Thế, tỉnh Yên Bái	Đã hoàn thành
12	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV Yên Bái - TBA 110kV Yên Bái (Xóa T Yên Bái)	Đang thực hiện
13	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Nghĩa Lộ	Đang thực hiện
14	Đường dây và TBA 110kV Bảo Hưng	Đã hoàn thành
15	Đường dây và TBA 110kV Âu Lâu, tỉnh Yên Bái	Đang thực hiện, đấu nối về TBA 110kV Bảo Hưng
II Giai đoạn 2026 - 2030		
16	Đường dây 110kV Y Tý - TĐ Nậm Chạc (Đấu nối TBA Y Tý)	Xây dựng mới
17	Nhánh rẽ TBA ĐSK Bảo Thắng (Đấu chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA Gang thép Lào Cai - TBA 220kV Bảo Thắng)	Xây dựng mới
18	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Thái Niên (Đấu nối TBA 110kV TĐ Thái Niên)	Xây dựng mới
19	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Bảo Hà	Xây dựng mới
20	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Tà Lơi 1 (Đấu nối chuyển tiếp trên đường dây TĐ Pờ Hồ - TĐ Tà Lơi 2)	Xây dựng mới
21	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Sàng Ma Sáo (Đấu nối TBA 110kV TĐ Sàng Ma Sáo)	Xây dựng mới
22	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ A Lù (Đường dây 110kV đấu nối chuyển tiếp trên lưới điện 110 kV khu vực)	Xây dựng mới
23	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ A Lù 1 (Đấu nối TBA TĐ A Lù)	Xây dựng mới
24	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Nậm Cang 1A (Đấu nối TBA 110kV TĐ Nậm Cang 1A về thanh cái 110kV Bàn Hồ)	Xây dựng mới
25	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Nậm Trung Hồ 1 (Đấu nối từ TĐ Nậm Trung Hồ 1 về thanh cái Nậm Toóng)	Xây dựng mới
26	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Trung Chải (Đấu nối chuyển	Xây dựng mới

STT	Danh mục	Ghi chú
	tiếp trên đường dây 110kV Sa Pa - Lào Cai)	
27	Đường dây 110kV đầu nối TĐ Nậm Tha về TBA 110kV Văn Bàn (Đầu nối từ TĐ Nậm Tha về TBA 110kV Văn Bàn)	Xây dựng mới
28	Đường dây 110kV đầu nối TĐ Yên Hà - TBA 110kV Văn Bàn (Đầu nối từ TĐ Yên Hà - TBA 110kV Văn Bàn)	Xây dựng mới
29	Đường dây 110kV TĐ Nậm Khóa 1-2 chuyển tiếp trên đường dây 110kV Nậm Khóa 3 - Than Uyên (Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Nậm Khóa 3- Than Uyên)	Xây dựng mới
30	Nhánh rẽ TBA 110kV Thủy Điện Võ Lao (Đầu nối chuyển tiếp mạch 2 đường dây 110kV TBA 220kV Bảo Thắng - TBA 110kV Văn Bàn)	Xây dựng mới
31	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Ngòi Nhù 2 (Đầu nối chuyển tiếp mạch 2 đường dây 110kV TBA 220kV Bảo Thắng - TBA 110kV Văn Bàn)	Xây dựng mới
32	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Lán Bò (Đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Văn Bàn - Minh Lương cấp điện Trạm 110kV Lán Bò)	Xây dựng mới
33	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Suối Chăn (Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA Nậm Xây - TBA 110kV Than Uyên cấp điện TBA 110kV Suối Chăn)	Xây dựng mới
34	Nhánh rẽ TBA 110kV TĐ Báo Nhai (Đầu nối chuyển tiếp đường dây 110 kV Bảo Thắng - Yên Bái)	Xây dựng mới
35	TBA 110kV Mù Cang Chải - TĐ Khao Mang Thượng	Xây dựng mới
36	TBA 110kV NM Thép - 220kV Yên Bái	Xây dựng mới
37	TBA 110kV Điện sinh khối Yên Bái 1 -TBA 110kV Văn Yên	Xây dựng mới
38	TBA 220kV Nghĩa Lộ - TĐ Chí Lư (Chuyển đầu nối về TBA 220kV Nghĩa Lộ)	Xây dựng mới
39	TBA 220kV Nghĩa Lộ - TĐ Noong Phai (Chuyển đầu nối về TBA 220kV Nghĩa Lộ)	Xây dựng mới
40	NĐ sinh khối Trường Minh - Yên Bái 2	Xây dựng mới (xem xét khả năng mở rộng TBA 110kV Yên Bái 2)
41	TĐ Tân Lĩnh - Thanh cái 110kV của TBA 220kV Lục Yên	Xây dựng mới
42	TĐ Ngòi Hút 8,9 - TBA 110kV Văn Yên	Xây dựng mới
43	TĐ Phong Dụ Hạ - TĐ Ngòi Hút 8	Xây dựng mới
44	TĐ Phong Dụ Hạ - TĐ Phong Dụ Thượng	Xây dựng mới
45	TĐ Phìn Ngai - TĐ Ngòi Hút 2	Xây dựng mới



STT	Danh mục	Ghi chú
46	TĐ Thác Cá 1 - TĐ Văn Chấn	Xây dựng mới
47	TĐ Chi Lư - Đường dây 110kV Nghĩa Lộ - Ba Khe	Xây dựng mới
48	TĐ Nậm Tăng 3 - TĐ Pá Hu	Xây dựng mới
49	TĐ Chấn Thịnh - TBA 110kV Ba Khe	Xây dựng mới
50	TĐ Nậm Tục (bậc 1) - Thanh cái 110kV của TBA 220kV Nghĩa Lộ	Xây dựng mới
51	TĐ Nậm Pươi chuyển tiếp trên đường dây 110kV TĐ Ngòi Hút 2 đi TBA 110kV Nghĩa Lộ	Xây dựng mới
52	TĐ Đào Sa - TĐ Khao Mang*	Xây dựng mới
53	TĐ Phìn Hồ - Mường La (Sơn La)	Xây dựng mới
54	TĐ Đề Dính Máo - TĐ Phìn Hồ	Xây dựng mới
55	TĐ Bản Công - Trạm 220kV Nghĩa Lộ	Xây dựng mới
56	TĐ Nậm Đông 2 - 220kV Nghĩa Lộ	Xây dựng mới
57	110kV Mù Cang Chải - TD Đề Dính Máo	Xây dựng mới
58	TĐ Phong Dụ Thượng - TĐ Ngòi Hút 2	Xây dựng mới
59	TBA 220kV Nghĩa Lộ - TĐ Ngòi Hút 2	Cải tạo, nâng cấp
60	220kV Lục Yên - Bảo Yên	Cải tạo, nâng cấp
61	TĐ Phúc Long – 220kV Yên Bái	Cải tạo, nâng cấp
Giai đoạn 2031 -2050		
1	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Trạm Tàu	Xây dựng mới
2	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Yên Bình 2	Xây dựng mới
3	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Phú Thịnh	Xây dựng mới
4	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Văn Chấn	Xây dựng mới
5	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Y Can	Xây dựng mới

Ghi chú:

1. Đối với trạm biến áp

- Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình chuẩn bị dự án của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

- Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

2. Đối với đường dây

Chiều dài đường dây, số mạch, tiết diện dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án, và được tính toán đảm bảo đáp ứng tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

3. Đối với đấu nối nguồn điện

Phương án đấu nối, vị trí đấu nối của các dự án năng lượng cần được xem xét kỹ lưỡng trong quá trình triển khai, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế (nếu cần), đảm bảo hiệu quả kinh tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành.

Phụ lục VI
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021 - 2030
*(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

STT	Hạng mục	Địa điểm	Quy hoạch đã duyệt	Quy hoạch điều chỉnh	Ghi chú
I Công trình xây mới					
1	Hồ Đàm Lớn	phường Yên Bái	X	X	
2	Đập Phai Rìn	xã Thượng Bằng La	X	X	
3	Đập Ngòi Gù	xã Việt Hồng	X	X	
4	161 đập	Các xã phía Nam tỉnh Lào Cai	X	X	
5	Đập Sài Lương 2	xã Mỏ Vàng	X	X	
6	Đập Nhiều Năm I	xã Việt Hồng	X	X	
7	Đập Nạ Phang	xã Hạnh Phúc	X	X	
8	Đập Khe Xá 1	xã Việt Hồng	X	X	
9	Đập Cẩm Nhân	xã Cẩm Nhân	X	X	
10	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 33 hồ thủy lợi	Các xã phía Bắc tỉnh Lào Cai	X	X	
11	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi	Toàn tỉnh		X	Bổ sung mới 125 công trình
II Công trình cải tạo, nâng cấp					
1	Đập Làng San I+II	xã Púng Luông	X	X	
2	Đập Ma Lừ Thàng	xã Púng Luông	X	X	
3	Đập Háng Chua	xã Púng Luông	X	X	
4	Đập Súa Chà Trừ	xã Púng Luông	X	X	
5	Thủy lợi Nả Háng A, B	xã Mù Cang Chải	X	X	
6	Đập Đề Chớ Chứa	xã Púng Luông	X	X	
7	Hồ Khe Ngang	xã Xuân Ái	X	X	
8	Hồ Khe Vải	xã Xuân Ái	X	X	
9	Hồ Khe Dứa	xã Xuân Ái	X	X	
10	Hồ Đàm Hậu	phường Âu Lâu	X	X	

STT	 Hạng mục	Địa điểm	Quy hoạch đã duyệt	Quy hoạch điều chỉnh	Ghi chú
11	Hồ Chóp Dũ	phường Cường Thịnh	X	X	
12	Hồ Ngòi Thốt	xã Việt Hồng	X	X	
13	Hồ Đất Đỏ	phường Âu Lâu	X	X	
14	Hồ Lan Đình	xã Trấn Yên	X	X	
15	Đập Phình Hồ	xã Púng Luông	X	X	
16	Đập Hàu Đề Zéch Móng	xã Chế Tạo	X	X	
17	Đập Sùng Là Sủ	xã Chế Tạo	X	X	
18	Hồ Tự Do	xã Quy Mông	X	X	
19	Hồ Đá Mạ	xã Quy Mông	X	X	
20	Thủy lợi Hồ Hồ	phường Văn Phú	X	X	
21	50 đập tưới dưới 40 ha	Toàn tỉnh	X	X	
22	Trạm bơm Báo Đáp 2	xã Trấn Yên	X	X	
23	Trạm bơm Đào Thịnh	xã Trấn Yên	X	X	
24	Trạm bơm Bái Dương	phường Nam Cường	X	X	
25	Trạm bơm Xuân Lan	phường Nam Cường	X	X	
26	Trạm bơm Hợp Minh	phường Âu Lâu	X	X	
27	4 trạm bơm tưới dưới 40ha		X	X	
28	Nâng cấp, sửa chữa công trình tưới tiêu	Toàn tỉnh	X	X	
III	Công trình tưới khu sản xuất tập trung				
1	Cấp nước tưới cho các khu sản xuất lúa thâm canh chất lượng cao thuộc cánh đồng Mường Lò (Giai đoạn 1)	phường Cầu Thia, phường Trung tâm	X	X	
2	Cấp nước tưới cho các khu sản xuất lúa thâm canh chất lượng cao Đại Phú An - Đông Công	xã Đông Công	X	X	
IV	Công trình thủy lợi nội đồng				
1	Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng		X	X	

STT	Hạng mục	Địa điểm	Quy hoạch đã duyệt	Quy hoạch điều chỉnh	Ghi chú
V	Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước				
1	Tưới tiết kiệm cho diện tích trồng nhãn, quýt đường canh, cam, bưởi, cây ăn quả khác		X	X	
2	Tưới phun mưa cho cây rau, màu và cây hoa		X	X	
3	Tưới tiết kiệm nước cho cây chè		X	X	
4	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 73 công trình đảm bảo tưới tiêu cho khu vực các xã	Các xã Phía Bắc tỉnh Lào Cai	X	X	
C	Đê, kè				
1	Xây dựng mới và củng cố, nâng cấp các tuyến đê, kè và công trình trên đê	Toàn tỉnh	X	X	Bổ sung mới 18 công trình
D	Khác				
1	Lập bản đồ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Toàn tỉnh		X	Bổ sung mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.



Phụ lục VII

**PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CẤP NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Stt	Tên Nhà máy cấp nước (NMN)	Địa điểm	Công suất hiện trạng (m ³ /ng.đ)	Định hướng cấp nước (m ³ /ng.đ)		Ghi chú
				2030	2050	
I	Cấp nước đô thị					
1	NMN Phong Hải	Xã Phong Hải	2.000	2.000	3.000	
2	NMN Phố Lu	Xã Bảo Thắng	2.000	9.000	11.000	
3	NMN Sơn Hải		3.000			
4	NMN Thôn Cù	Xã Tăng Loỏng	18.000	3.000	7.000	
5	NMN Lào Cai (đội 117)	Phường Lào Cai	14.000	Đóng cửa, di chuyển nhà máy		
6	NMN Cốc San		24.000	30.000	40.000	
7	NMN Cam Đường	Phường Cam Đường	1.000	1.000	Dừng sản xuất	
8	NMN Ngòi Đường			20.000	30.000	
9	NMN Bát Xát	Xã Bát Xát	5.000	7.000	12.000	
10	NMN Y Tý	Xã Y Tý		1.500	2.500	
11	NMN Trịnh Tường	Xã Trịnh Tường		3.000	6.000	
12	NMN Bảo Yên	Xã Bảo Yên	3.200	6.000	11.000	
13	NMN Bảo Hà	Xã Bảo Hà	1.500	1.500	3.000	
14	NMN Văn Bàn	Xã Văn Bàn	1.200	5.500	11.000	
15	NMN Võ Lao	Xã Võ Lao		2.000	6.000	
16	NMN Sa Pa	Phường Sa Pa	6.000	Đóng cửa, di chuyển nhà máy		
17	NMN BOO		7.500	15.000	15.000	
18	NMN Trung Chải	Xã Tả Phìn			10.000	
19	NMN Mường Bo	Xã Mường Bo		2.000	4.500	

Stt	Tên Nhà máy cấp nước (NMN)	Địa điểm	Công suất hiện trạng (m ³ /ng.đ)	Định hướng cấp nước (m ³ /ng.đ)		Ghi chú
				2030	2050	
20	NMN Bắc Hà	Xã Bắc Hà	1.500	4.500	6.000	
21	NMN Bảo Nhai	Xã Bảo Nhai		2.000	4.500	
22	NMN Mường Khương	Xã Mường Khương	3.000	3.000	5.000	
23	NMN Bản Lầu	Xã Bản Lầu		1.500	2.000	
24	NMN Si Ma Cai	Xã Si Ma Cai	1.500	1.500	4.500	
25	NMN Mù Cang Chải	Xã Mù Cang Chải	300	2.400	5.000	
26	NMN Trạm Tấu	Xã Hạnh Phúc	1.500	1.500	3.000	
27	NMN Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ	7.500	20.000	30.000	
28	Cụm công trình cấp nước sạch cho 03 xã: Phù Nham, Thanh Lương, Thạch Lương	Phường Trung Tâm, Phường Cầu Thia	1.657	Chuyển công trình sang cấp nước khu vực nông thôn		
29						
30	NMN Thượng Bằng La	Xã Thượng Bằng La		3.000	5.000	
31	NMN Sơn Thịnh	Xã Văn Chấn	2.000	2.000	3.000	
32	NMN Nghĩa Lộ	Xã Liên Sơn		1.000	2.000	
33	NMN Mậu A	Xã Mậu A	2.000	4.000	6.000	
34	NMN An Thịnh			2.500	5.000	
35	NMN Yên Thế	Xã Lục Yên	1.500	3.000	5.000	
36	NMN Thác Bà	Xã Thác Bà		5.000	2.000	
37	NMN Bảo Ái	Xã Bảo Ái		5.000	7.000	
38	NMN Yên Bình	Xã Yên Bình	16.500	50.000	70.000	
39	NMN Cổ Phúc	Xã Trấn Yên	2.500	3.500	5.000	

Stt	Tên Nhà máy cấp nước (NMN)	Địa điểm	Công suất hiện trạng (m ³ /ng.đ)	Định hướng cấp nước (m ³ /ng.đ)		Ghi chú
				2030	2050	
40	NMN Báo Đáp			1.500	3.000	
41	NMN Hưng Khánh			1.500	3.000	
II	Cấp nước khu, cụm công nghiệp (CCN)			Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các khu, cụm công nghiệp	Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các khu, cụm công nghiệp	
III	Đầu tư sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh		Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân	Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân	

Ghi chú:

- Quy mô công suất, vị trí, phạm vi cấp nước của các nhà máy nước sẽ xác định cụ thể trong các quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư được phê duyệt để đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn phát triển đô thị, nông thôn và sản xuất. Ngoài ra có thể phát triển thêm một số nhà máy nước theo nhu cầu cấp bách của tỉnh. Các nhà máy nước sạch nông thôn thuộc khu vực xã được đầu tư, cải tạo, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu nước sạch nông thôn, trên cơ sở mở rộng vùng phục vụ của các nhà máy nước hiện trạng sang khu vực lân cận.

- Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định. Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Ngoài ra, còn có các nhà máy nước, trạm cấp nước khác được xác định theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên được triển khai thực hiện phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.



Phụ lục VIII

PHƯƠNG HƯỚNG CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Stt	Khu xử lý chất thải (KXL)	Vị trí theo Quy hoạch đã phê duyệt	Diện tích tối thiểu (ha)	Điều chỉnh/bổ sung
1	KXL Đồng Tuyển	Xã Cốc San	18	Giữ nguyên. Điều chỉnh địa điểm xã Cốc San sau sáp nhập
2	KXL Tân An - Tân Thượng	Xã Bảo Hà	12	Điều chỉnh thành KXL Bảo Hà và vùng lân cận
3	KXL Xuân Quang	Xã Xuân Quang	12	Giữ nguyên
4	KXL Tòng Mòn	Xã Cốc San	7	Giữ nguyên
5	KXL Yên Sơn	Xã Bảo Yên	15	KXL Bảo Yên và vùng lân cận
6	KXL Lùng Phình	Xã Lùng Phình	4	Giữ nguyên
7	KXL Tả Phìn	Xã Tả Phìn	5	Đưa ra khỏi quy hoạch. Lý do: xã Tả Phìn và Ngũ Chỉ Sơn trước thuộc thị xã Sa Pa cũ. Hiện nay 2 xã nằm giáp ranh nhau. Xã Tả Phìn nằm giáp xã Cốc San (xã Cốc San đã có KXL Tòng Mòn đang thiếu rác khoảng 70 tấn/ngày)
8	KXL Ngũ Chỉ Sơn	Xã Ngũ Chỉ Sơn	10	Giữ nguyên
9	KXL Khánh Yên Trung	Xã Khánh Yên	10	KXL Khánh yên và vùng lân cận
10	KXL CTR huyện Bát Xát	Xã Trịnh Trường	33	KXL Trịnh Trường và vùng lân cận
11	KXL Tung Chung Phố	Xã Mường Khương	2,4	KXL Mường Khương và vùng lân cận
12	KXL Sán Chải	Xã Si Ma Cai	1,5	KXL Si Ma Cai và vùng lân cận
13	Khu xử lý chất thải rắn Nam Thành	Phường Văn Phú	35	Giữ nguyên. Điều chỉnh địa danh “Thành phố Yên Bái” thành “Phường Văn Phú”
14	Khu xử lý chất thải rắn	Phường	13	Giữ nguyên

Stt	Khu xử lý chất thải (KXL)	Vị trí theo Quy hoạch đã phê duyệt	Diện tích tối thiểu (ha)	Điều chỉnh/bổ sung
	Nghĩa Lộ	Trung Tâm và vùng lân cận		
15	Khu xử lý chất thải rắn Lục Yên	Xã Lục Yên	8	Giữ nguyên “Khu xử lý chất thải rắn Lục Yên”
16	Khu xử lý chất thải rắn Văn Yên	Xã Mậu A; Phong Dụ Hạ; Châu Quế và vùng lân cận	20	Các KXL chất thải rắn (Mậu A; Phong Dụ Hạ; Châu Quế) vùng lân cận
17	Khu xử lý chất thải rắn Mù Cang Chải	Xã Khao Mang sau sáp nhập	10	KXL chất thải rắn Khao Mang và vùng lân cận
18	Khu xử lý chất thải rắn Trấn Yên	Xã Trấn Yên	10	Giữ nguyên
19	Khu xử lý chất thải rắn Trạm Tấu	Xã Phình Hồ và vùng lân cận	2	KXL chất thải rắn Phình Hồ và vùng lân cận.
20	Khu xử lý chất thải rắn Văn Chấn	Xã Tú Lệ; Thượng Bằng La	20	Các KXL chất thải rắn (Tú Lệ; Thượng Bằng La)
21	Khu xử lý chất thải rắn Yên Bình	Xã Bảo Ái	12	KXL chất thải rắn Bảo Ái và vùng lân cận
22	KXL Y Tý và vùng lân cận	Xã Y Tý	0,67	Bổ sung
23	KXL Nghĩa Đô và vùng lân cận	Xã Nghĩa Đô	03	Bổ sung
24	KXL Thượng Hà và vùng lân cận	Xã Thượng Hà	0,5	Bổ sung
25	KXL Sín Chéng và vùng lân cận	Xã Sín Chéng	0,9	Bổ sung

Ghi chú:

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

- Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch đề phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định. Số lượng, tên, vị trí, quy mô, diện tích các dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục IX
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN
NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HOẢ TÁNG TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021 – 2030
(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Stt	Tên nghĩa trang	Địa điểm
1	Nghĩa trang nhân dân Sa Pa	Phường Sa Pa
2	Nhà tang lễ Sa Pa	Phường Sa Pa
3	Nhà tang lễ phường Cam Đường	Phường Cam Đường
4	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang Thống Nhất và xây dựng Nhà hỏa táng	Phường Cam Đường, xã Gia Phú
5	Nghĩa trang An Bình Viên	Phường Nam Cường, xã Yên Bình
6	Nghĩa trang thôn Làng My	Xã Xuân Quang
7	Nghĩa trang nhân dân phường Cầu Thia	Phường Cầu Thia
8	Nghĩa trang các khu vực khác	Toàn tỉnh

Ghi chú: Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định. Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.



Phụ lục X

**PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH LAO CAI GIAI ĐOẠN 2021-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

STT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư	Địa điểm dự kiến thực hiện	Ghi chú
1	Bệnh viện Lão Khoa – Phục hồi chức năng	Phường Cam Đường	Xây mới
2	Bệnh viện đa khoa số 4	Phường Sapa	Mở rộng nâng cấp
3	Bệnh viện Đa khoa số 1	Phường Âu Lâu	Mở rộng, nâng cấp
4	Bệnh viện Đa khoa số 2	Phường Cam Đường	Mở rộng, nâng cấp
5	Bệnh viện Đa khoa số 3	Phường Nghĩa Lộ	Xây dựng mới/Nâng cấp
6	Xây mới, nâng cấp các PKĐKKV (Trong đó ưu tiên nâng cấp PKĐKKV Mường Hum và Bảo Hà thành các bệnh viện đa khoa khu vực; đồng thời xây mới, nâng cấp các PK ĐKKV còn lại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh trên địa bàn); Nâng cấp, mở rộng các trạm y tế đảm bảo thực hiện chức năng nhiệm vụ là đơn vị sự nghiệp theo quy định hiện hành	Các xã, phường	Nâng cấp PKĐKKV: Mường Hum, Bảo Hà. Đầu tư xây mới các PKĐKKV (Bản Lầu, Bảo Nhai, Cẩm Ân, Cẩm Nhân, Võ Lao, Minh Lương, Pha Long. Cải tạo, sửa chữa các PKĐKKV còn lại
7	Các bệnh viện chuyên khoa: YHCT, Nội tiết, Sản nhi. (Xem xét thành lập bệnh viện chuyên khoa tại phường Âu Lâu/Yên Bái/Văn Phú)	Phường Cam Đường, Âu Lâu, Yên Bái, Văn Phú	Cải tạo, nâng cấp, xây mới
8	Xây mới/ Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Phường Yên Bái	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp/xây mới

STT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư	Địa điểm dự kiến thực hiện	Ghi chú
9	Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Pháp Y, Trung tâm Giám định y khoa; Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (cơ sở 1).	Phường Yên Bái, Âu Lâu	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp/ xây mới
10	Xây mới Trung tâm Y tế khu vực Mù Cang Chải, Lục Yên... Nâng cấp, cải tạo các TTYT KV còn lại đáp ứng quy mô và đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân	Các xã, phường	Xây mới TTYTKV: MCC, Lục Yên Nâng cấp các TTYT còn lại
11	Xây mới Bệnh viện Quốc tế Lào Cai	Phường Lào Cai	Xây mới
12	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Các phường: Lào Cai, Yên Bái; các xã: Bắc Hà, Mù Cang Chải, Thác Bà, Yên Bình, Trạm Tấu...	Xây mới

Ghi chú: Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định. Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

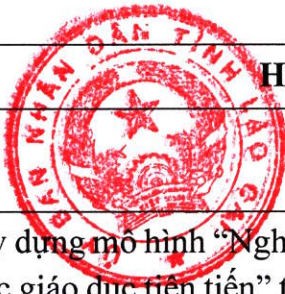


Phụ lục XI

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ HẠ TẦNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Hạng mục	Địa điểm dự kiến
1	Đầu tư nâng cấp 06 trường PTDTNT THCS (PTDTNT THCS Lục Yên, PTDTNT THCS Mù Cang Chải, PTDTNT THCS Trạm Tấu, PTDTNT THCS Văn Chấn, PTDTNT THCS Văn Yên, PTDTNT THCS Yên Bình) thành 06 trường PTDTNT THCS&THPT	Các xã: Lục Yên, Mù Cang Chải, Hạnh Phúc, Văn Chấn, Mậu A, Yên Bình
2	Đầu tư nâng cấp 06 trường THCS (PTDTBT THCS Khao Mang, THCS Phong Dụ Hạ, THCS Yên Thịnh, THCS Vĩnh Lạc, PTDTBT THCS Y Tý, PTDTBT THCS Pha Long) thành 06 trường THCS&THPT	Các xã: Khao Mang, Phong Dụ Hạ, Mường Lai, Y Tý, Pha Long; phường Văn Phú.
3	Đầu tư xây dựng trường THPT Dân tộc nội trú tại xã Bảo Hà.	Xã Bảo Hà
4	Đầu tư xây dựng mới trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành, trường THPT Hoàng Liên; Chuyển địa điểm trường THPT Nguyễn Trãi đến vị trí mới để phù hợp với khu vực tuyển sinh	Phường Văn Phú; Phường Sa Pa; xã Liên Sơn
5	Thành lập mới 02 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập công lập đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025	Phường Cam Đường; phường Văn Phú
6	Đầu tư xây dựng mới trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại 09 xã, phường biên giới.	Các xã: Y Tý, Trịnh Tường, Bát Xát, Bản Lầu, A Mú Sung, Mường Khương, Pha Long, Si Ma Cai; phường Lào Cai
7	Đầu tư xây dựng 30 trường trọng điểm về chất lượng	Các phường: Cam Đường, Lào Cai, Nghĩa Lộ, Sa Pa, Trung Tâm; Văn Phú, Yên Bái; các xã: Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát,



STT	Hạng mục	Địa điểm dự kiến
		Lục Yên, Mậu A, Văn Bàn, Yên Bình.
8	Xây dựng mô hình “Nghiên cứu và thực nghiệm phương thức giáo dục tiên tiến” tại 02 trường THPT Chuyên của tỉnh Lào Cai	Phường Cam Đường; Phường Văn Phú
9	Triển khai mô hình giáo dục STEM tại các cơ sở giáo dục tỉnh Lào Cai	Toàn tỉnh
10	Cải tạo, nâng cấp bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị, quỹ đất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp.... học lên THPT và GDTX	Toàn tỉnh
11	Đầu tư nâng cấp Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai; nghiên cứu thành lập cơ sở giáo dục đại học thuộc Đại học Thái Nguyên tại phường Yên Bái, phường Văn Phú; Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường Cao đẳng Lào Cai thành trường trọng điểm chất lượng quốc gia, ngang tầm Quốc tế	Phường Yên Bái; Phường Văn Phú; Phường Cam Đường
12	Xây dựng mô hình "Vườn ươm công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp" tại 02 trường Cao đẳng (Cao đẳng Lào Cai và Cao đẳng Nghề Yên Bái) và Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai	Phường Cam Đường, phường Văn Phú
13	Phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập tại những địa bàn có điều kiện thuận lợi, bảo đảm phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương.	Toàn tỉnh
14	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Toàn tỉnh

Ghi chú: Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định. Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục XII

**PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG
TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

STT	Danh mục	Địa điểm
1	Không gian nghiên cứu, trải nghiệm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Phường Cam Đường hoặc phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
2	Xây dựng mô hình “Nghiên cứu và thực nghiệm phương thức giáo dục tiên tiến”	Trường THPT Chuyên Lào Cai và THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
3	Phát triển Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh phục vụ chỉ đạo, điều hành	Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Tỉnh Lào Cai
4	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tập trung của tỉnh (DC)	Trung tâm dữ liệu tỉnh Lào Cai (DC)
5	Dự án xây dựng Trung tâm chiếu xạ hàng hóa xuất nhập khẩu tỉnh Lào Cai	Khu vực gần cửa khẩu quốc tế Lào Cai, phường Lào Cai hoặc thôn Bản Vược (xã Bát Xát)
6	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Lào Cai”	Tỉnh Lào Cai
7	Xây dựng mô hình cửa khẩu thông minh tại khu vực Bản Vược – Bá Sái, tỉnh Lào Cai	Xã Bát Xát
8	Đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông (CNTT-VT) cho 52 xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	
9	Các dự án liên quan đến đô thị thông minh, triển khai hệ thống camera giám sát giao thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Tăng cường tiềm lực lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Ứng dụng năng lượng nguyên tử; Ứng dụng công nghệ cao, IoT trong lĩnh vực nông nghiệp	Tỉnh Lào Cai
10	Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động:	



STT	Danh mục	Địa điểm
	- Nhóm khu vực đông lực phát triển: Tập trung hạ tầng băng rộng, 5G và các trạm BTS nguy trang tại Khu du lịch quốc gia Sa Pa, các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và dọc hành lang kinh tế trọng điểm của tỉnh. - Nhóm khu vực đô thị và trung tâm: Ưu tiên hạ tầng ngầm hóa và các trạm viễn thông tích hợp (Small cell) trên các cột đèn chiếu sáng, công trình công cộng. Hạn chế tối đa việc xây dựng các công trình cột anten độc lập gây ảnh hưởng mỹ quan. - Nhóm khu vực khó khăn và biên giới: Ưu tiên các phương án hạ tầng bền vững, chịu được điều kiện thời tiết khắc nghiệt (sương muối, đông lạnh). Đảm bảo phủ sóng tại 100% các thôn bản và các điểm chốt biên phòng. - Các xã, phường: có tối thiểu 01 trạm BTS kiên cố chịu được rủi ro thiên tai cấp độ 4. Phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, cột treo cáp: - Khu vực đô thị, khu du lịch, trung tâm hành chính: Ưu tiên và xem xét chấp thuận cáp ngầm, phần đầu $\geq 70\%$ tuyến cáp được ngầm hóa; trường hợp treo cáp phải có phương án chỉnh trang, bó gọn, dùng chung cột. - Khu đô thị mới, tuyến đường mới: Chỉ xem xét cấp phép khi có phương án ngầm hóa toàn bộ mạng ngoại vi; bắt buộc sử dụng hạ tầng dùng chung. - Khu vực nông thôn: Cho phép treo cáp nhưng phải bảo đảm an toàn, trật tự và mỹ quan; Khuyến khích ngầm hóa trên các tuyến trục chính.	

Ghi chú: Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định. Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án nêu trên và các công trình, dự án khác sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.



Phụ lục XIII
PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN
TRUNG TÂM LOGISTIC TỈNH LAO CAI THỜI KỲ 2021 – 2030
(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô đầu tư dự kiến	Ghi chú
1	Khu logistics Kim thành - Bản Vược	Theo Quy hoạch Khu hợp tác kinh tế cửa khẩu	Tổng diện tích 235ha; Xác định quy mô cụ thể từng dự án khi lập và phê duyệt dự án	Theo Quy hoạch được phê duyệt tại QĐ số 316/QĐ-TTg; điều chỉnh diện tích cho phù hợp với Quy hoạch KKT được phê duyệt tại QĐ 1958/QĐ-TTg
2	Trung tâm logistics Đông Phố Mới	Theo quy hoạch Ga đường sắt quốc tế Lào Cai	30 - 50 ha	Theo Quy hoạch được phê duyệt tại QĐ số 316/QĐ-TTg
3	Trung tâm logistics Cảng hàng không Sa Pa	Khu phụ trợ Cảng hàng không Sa Pa	80 - 100 ha	Theo Quy hoạch được phê duyệt tại QĐ số 316/QĐ-TTg
4	Trung tâm logistics khu vực cảng Văn Phú	Khu CN phía nam Văn Phú	20 - 30ha	Theo Quy hoạch được phê duyệt tại QĐ số 1086/QĐ-TTg
5	Trung tâm logistics Minh Quân	Khu CN Minh Quân	Cấp tỉnh	Theo Quy hoạch được phê duyệt tại QĐ số 1086/QĐ-TTg
6	Các trung tâm logistics khác tại các nút giao thông quan trọng, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Toàn tỉnh	Cấp tỉnh	Theo Quy hoạch được phê duyệt tại QĐ số 1086/QĐ-TTg; điều chỉnh mở rộng phạm vi trên địa bàn tỉnh Lào Cai phục vụ cho các địa điểm có nhu cầu mở mới

* **Ghi chú:** Trong quá trình thực hiện quy hoạch, UBND tỉnh căn cứ phương hướng quy hoạch này và các phương hướng quy hoạch khác có liên quan thực hiện rà soát, điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích, lộ trình thực hiện các dự án logistics (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO VÀ AN SINH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030

(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

I. LĨNH VỰC VĂN HOÁ

1.1. Thiết chế văn hoá

STT	Chương trình/dự án	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
1	Trung tâm Văn hóa và triển lãm quốc tế” tại khu vực giáp cửa khẩu Kim Thành, phường Lào Cai	Phường Lào Cai	Phường Lào Cai, thành phố Lào Cai	Phường Lào Cai
2	Đầu tư Xây dựng Trung tâm Văn hóa và triển lãm tỉnh Lào Cai	Phường Âu Lâu	Xã Giới Phiên	phường Âu Lâu
3	Trung tâm giới thiệu và quảng bá Di sản văn hóa dân tộc Mông	Xã Mù Cang Chải		Bổ sung quy hoạch
4	Bảo tồn không gian văn hóa truyền thống người Tày xã Nghĩa Đô gắn với phát triển du lịch cộng đồng theo các Tiêu chuẩn ASEAN	Xã Nghĩa Đô	Xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên	Xã Nghĩa Đô
5	Trung tâm bảo tồn và triển lãm văn hóa dân tộc Thái tại phường Nghĩa Lộ (hoặc phường Cầu Thia), tỉnh Lào Cai	Xã Nghĩa Lộ (hoặc Phường Cầu Thia)		Bổ sung quy hoạch
6	Trung tâm Văn hóa và Triển lãm phường Sa Pa	Phường Sa Pa		Bổ sung quy hoạch
7	Xây dựng tượng đài các danh nhân	Phường Yên Bái, Âu Lâu, Nam Cường, Văn Phú	TP Yên Bái	Phường Yên Bái, Âu Lâu, Nam Cường, Văn Phú
8	Đầu tư xây dựng các công viên tại các phường Yên Bái, Văn Phú, Âu Lâu và Nam Cường; các công viên chuyên đề tại phường Lào Cai, Cam Đường, các xã có tỉ lệ dân cư đông.	Các phường: Yên Bái, Văn Phú, Âu Lâu, Nam Cường; Lào Cai, Cam Đường; các xã có số dân đông		Bổ sung quy hoạch
9	Xây dựng 18 Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thông tại 18 xã, phường trung tâm	18 xã, phường trung tâm		Bổ sung quy hoạch
10	Xây dựng hệ thống nhà văn hóa thôn/tổ dân phố/khu dân cư trên địa bàn tỉnh đảm	Các xã, phường trên		Bổ sung quy hoạch

STT	 Chương trình/dự án	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
	bảo nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân	địa bàn tỉnh		
11	Hỗ trợ đầu tư mô hình điểm thư viện cộng đồng tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Các xã trên địa bàn tỉnh		Bổ sung quy hoạch
12	Đầu tư trang thiết bị, xây dựng Ngân hàng dữ liệu di sản tỉnh Lào Cai (số hoá dữ liệu bảo tàng)	Bảo tàng tỉnh Lào Cai (02 cơ sở)	Bảo tàng tỉnh Lào Cai (cũ)	Bảo tàng tỉnh Lào Cai (02 cơ sở)
13	Sửa chữa, nâng cấp Rạp chiếu phim Yên Ninh.	Phường Văn Phú	Phường Yên Thịnh	Phường Văn Phú
14	Thu hút đầu tư xây dựng rạp chiếu phim tại Phường Yên Bái; Phường Nghĩa Lộ; xã Bắc Hà	Phường Yên Bái; Phường Nghĩa Lộ; xã Bắc Hà	TP. Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ, huyện Bắc Hà	Phường Yên Bái; Phường Nghĩa Lộ; xã Bắc Hà
15	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh	Phường Yên Bái	Phường Đồng Tâm	Phường Yên Bái
16	Đầu tư, cải tạo Nhà trưng bày triển lãm ngoài trời (Nhà du lịch Lào Cai)	Phường Lào Cai	Thành phố Lào Cai	Phường Lào Cai
17	Xây dựng Nhà hát tại trung tâm tỉnh lỵ (phường Yên Bái hoặc Âu Lâu)	Phường Yên Bái hoặc Âu Lâu	Xã Giới Phiên	Phường Yên Bái hoặc Âu Lâu
18	Xây dựng nhà truyền thống khu vực ở các xã (trung tâm huyện cũ) để trưng bày thành tựu kinh tế - kỹ thuật - xã hội của khu vực, các di sản văn hoá, truyền thống, phong tục tập quán của cư dân trên địa bàn tạo điểm đến để thu hút khách du lịch, quy hoạch sử dụng đất tối thiểu 2.500m ² trở lên.	Các xã trên địa bàn tỉnh	Trung tâm huyện cũ	Các xã trên địa bàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

1.2. Di sản văn hoá

STT	Tên	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
A	Di sản văn hoá vật thể			
1	Xếp hạng mới 05 di tích cấp tỉnh	Trên địa bàn tỉnh		Bổ sung quy hoạch
2	01 di tích quốc gia đặc biệt và 01 di tích quốc gia			

STT	Tên		Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
-	Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Khu mộ Nguyễn Thái Học và các chiến sỹ hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái;		Phường Yên Bái	Phường Nguyễn Thái Học, TP. Yên Bái	Phường Yên Bái
-	Di tích khảo cổ học quốc gia Bến Mậu A		Xã Mậu A	Thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên	Xã Mậu A
3	Tu bổ tôn tạo 01 di tích quốc gia đặc biệt				
	Di tích danh thắng quốc gia đặc biệt ruộng bậc thang Mù Cang Chải		Các xã: Mù Cang Chải, Púng Luông, Lao Chải	Chế Cu Nha, Dế Xu Phình, La Pán Tản... huyện Mù Cang Chải	Các xã: Mù Cang Chải, Púng Luông, Lao Chải
4	Tu bổ tôn tạo 23 di tích quốc gia	(1) Hồ Thác Bà và Đền Mẫu Thác Bà	xã Thác Bà		
		(2) Đèo Lũng Lô	Xã Thượng Bằng La	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La
		(3) Khu ủy Tây Bắc	Phường Trung Tâm	Xã Phù Nham, huyện Văn Chấn	Phường Trung Tâm
		(4) Lễ đài sân vận động	Phường Yên Bái	Phường Hồng Hà, TP. Yên Bái	Phường Yên Bái
		(5) Chiến khu Vần (đình Chung, nhà ông Trần Đình Khánh, hang Rơi, Gò cọ Đồng Yếng)	Xã Việt Hồng	Xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên	Xã Việt Hồng
		(6) Di tích danh lam thắng cảnh Động Na Măng	Xã Pha Long	Xã Pha Long, huyện Mường Khương	Xã Pha Long
		(7) DL Thắng cảnh Núi Hàm Rồng	Phường Sa Pa	Phường Sa Pa, TX Sa Pa	Phường Sa Pa
		(8) Khu Căn cứ Cách mạng Cam Đường	Phường Cam Đường	Làng Nhón, Thị xã Cam Đường	Phường Cam Đường
		(9) Khu mộ Nguyễn Thái Học và các chiến sỹ hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái 2/1930	Phường Yên Bái	Phường Nguyễn Thái Học, TP. Yên Bái	Phường Yên Bái
		(10) Danh thắng Động Thiên Long	Xã Lũng Phình	Xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà	Xã Lũng Phình
		(11) Di tích thắng cảnh Động Hàm Rồng	Xã Mường Khương	Thị trấn Mường Khương	Xã Mường Khương

STT	Tên	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
			Khương, huyện Mường Khương	
	(12) Di tích Kiến trúc nghệ thuật Nhà Hoàng A Tưởng	Xã Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	Xã Bắc Hà
	(13) Khu chạm khắc đá cổ Sa Pa	Xã Tả Van	Xã Hầu Thào, Huyện Sa Pa	Xã Tả Van
	(14) Thành cổ Nghị Lang	Xã Bảo Yên	Thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	Xã Bảo Yên
	(15) Di tích danh thắng Ruộng thang thung lũng Thề Pả	Xã Y Tý	khu vực các xã Y Tý, Ngải Thầu huyện Bát Xát	Xã Y Tý
	(16) Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Lào Cai	Phường Lào Cai	Phường Lào Cai, TP. Lào Cai	Phường Lào Cai
	(17) Nơi thành lập đội du kích Khau Phạ	Xã Tú Lệ	Xã Cao Phạ, huyện Mường Chà	Xã Tú Lệ
	(18) Di tích Chiến thắng Đồn Phố Lu	Xã Bảo Thắng	Thị trấn Phố Lu - H. Bảo Thắng	Xã Bảo Thắng
	(19) Di tích danh thắng Ruộng bậc thang Sa Pa	Xã Tả Van	03 xã Tả Van, Hầu Thào và Lao Chải	Xã Tả Van
	(20) Căng và Đồn Nghĩa Lộ (Căng và Đồn; Đồn Phú Trạng)	Phường Nghĩa Lộ	Phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ
	(21) Di tích danh lam thắng cảnh động Tả Phìn	Xã Tả Phìn	Xã Tả Phìn, huyện Sa Pa	Xã Tả Phìn
	(22) Bến Âu Lâu	Phường Yên Bái, Phường Âu Lâu	Phường Nguyễn Phúc, xã Âu Lâu-TP. Yên Bái	Phường Yên Bái, Phường Âu Lâu
	(23) DTLS Chiến thắng Đồn Phố Ràng		T.Tr Phố Ràng, huyện Bảo Yên	Xã Bảo Yên
Tu bổ tôn tạo 10 di tích	(1) Di tích danh thắng Nậm Tộc Tát	Phường Cầu Thia	Xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn	Phường Cầu Thia
	(2) Di tích lịch sử văn hoá Thành Viêng Công	Phường Cầu Thia	Xã Hạnh Sơn -H. Văn Chấn	Phường Cầu Thia

STT	Tên	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
5	cấp tỉnh	(3) Tu bổ, tôn tạo di tích Bãi đá cổ Lao Chải	Xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải	Xã Lao Chải
		(4) Di tích lịch sử cách mạng Khu căn cứ Soi Cờ - Soi Giá	Xã Gia Phú	Xã Gia Phú
		(5) Di tích địa điểm chiến thắng Đồn Coóc	Xã Văn Bàn	Xã Văn Bàn
		(6) Di tích chiến thắng đồn Khau Co	Xã Nậm Xé	Xã Nậm Xé
		(7) Di tích chiến thắng đồn Dương Quỳ	xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	Xã Dương Quỳ
		(8) Di tích phế tích Đồn Trấn Hà	Thôn Tân An 1, xã Tân An, huyện Văn Bàn	Xã Bảo Hà
		(9) Di tích Chiến thắng Nghĩa Đô	Xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên	Xã Nghĩa Đô
		(10) Đồn Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	Xã Bắc Hà
		(1) Di tích khảo cổ học Hắc Y	Xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên	Xã Tân Lĩnh
		(2) Đền Nhượng Sơn	Xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên	Xã Châu Quế
6	chống xuống cấp 10 di tích quốc gia và 01 di tích cấp tỉnh	(3) Đền Đông Cuông	Xã Đông Cuông, huyện Văn Yên	Xã Đông Cuông
		(4) Đền Cô Tân An	xã Tân An - huyện Văn Bàn	Xã Bảo Hà
		(5) Đền Bảo Hà	Xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	Xã Bảo Hà
		(6) Đền Trung Đô	xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	Xã Bảo Nhai
		(7) Đền Thượng	Phường Lào Cai, TP. Lào Cai	Phường Lào Cai

STT	Tên	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
	(8) Đền Cẩm	Phường Lào Cai	Phường Lào Cai, TP. Lào Cai	Phường Lào Cai
	(9) Đền Mẫu	Phường Lào Cai	Phường Lào Cai, TP. Lào Cai	Phường Lào Cai
	(10) Đền Bắc Hà	Xã Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	Xã Bắc Hà
	(11) Đền Cẩm Hánh	Phường Nghĩa Lộ	Phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ	Phường Nghĩa Lộ
II	Di sản văn hoá phi vật thể			
7	Lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ghi danh 05 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia	(1) Nghệ thuật hát đối “Xình ca” của người Cao Lan;	Các xã: Thác Bà, xã Yên Bình, xã Yên Thành, xã Trấn Yên	Bổ sung quy hoạch
		(2) Tết tháng 7 của người Mông xanh	xã Nậm Xé	Bổ sung quy hoạch
		(3) Nghệ thuật trình diễn sáo mủi và khèn bầu của người Phù Lá	Xã Châu Quế	Bổ sung quy hoạch
		(4) Chữ viết cổ của người Thái	Các phường: Nghĩa Lộ, Trung Tâm, Cầu Thia	Bổ sung quy hoạch
		(5) Nghệ thuật trình diễn khèn bè của người Thái...	Các phường: Nghĩa Lộ, Trung Tâm, Cầu Thia	Bổ sung quy hoạch

II. CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030

TT	Chương trình/dự án	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
1	Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Sa Pa	Phường Sa Pa	Thị xã Sa Pa	Phường Sa Pa
2	Xây dựng Khu Liên hợp thể thao Khu vực Tây Bắc (tại phường Âu Lâu)	phường Âu Lâu	Xã Giới Phiên, thành	phường Âu Lâu

TT	Chương trình/dự án	Địa điểm	Quy hoạch cũ	Điều chỉnh Quy hoạch
	Lâu)		phố Yên Bái	
3	Hoàn thiện giai đoạn 2 Sân vận động phường Cam Đường	phường Cam Đường	Thị xã Cam Đường	phường Cam Đường
4	Đầu tư xây dựng Khu liên hiệp thể thao Bắc Hà	Xã Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	Xã Bắc Hà
5	Đầu tư Làng Olympic tại phường Cam Đường	phường Cam Đường	Thị xã Cam Đường	Phường Cam Đường
6	Xây dựng sân vận động, bể bơi phường Cầu Thia	Phường Cầu Thia		Bổ sung quy hoạch
7	Đầu tư xây dựng khu thể thao thôn khi có điều kiện	Các xã, phường toàn tỉnh		Bổ sung quy hoạch
8	Xây dựng các sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi... tại các xã, phường.	Các xã, phường toàn tỉnh		Bổ sung quy hoạch

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

III. CƠ SỞ AN SINH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 2021-2030

TT	Chương trình/dự án	Ghi chú
1	Dự án nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các hạng mục cho 02 Cơ sở điều dưỡng tỉnh tại phường Sa Pa và phường Âu Lâu tỉnh Lào Cai	Điều chỉnh tên cho phù hợp với địa danh mới
2	Dự án đầu tư, xây dựng sàn giao dịch việc làm tại phường Văn Phú hoặc phường Yên Bái tỉnh Lào Cai	Thay thế dự án xây dựng mới trung tâm dịch vụ việc làm tại QĐ 316/QĐ-TTg



Phụ lục XV

ĐÌNH HƯỚNG PHÂN BỎ CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 TỈNH LAO CAI

(Kiểm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Ha

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020	Hiện trạng năm 2024 theo số liệu kiểm kê cấp tỉnh	Chỉ tiêu được phân bố theo QĐ 326 và phê duyệt trong QH tỉnh	Diện tích để nghị bỏ	Chỉ tiêu sử dụng đất để xuất đến năm 2030	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)=(8)-(5)	(10)
I	Loại đất	1.325.692	1.325.505	1.325.692	0	1.325.505	0	
1	Nhóm đất nông nghiệp	1.143.487	1.189.273	1.166.980	-14.126	1.152.854	-36.419	
	Trong đó:							
1.1	Đất trồng lúa	62.149	62.800	57.665		57.665	-5.135	
	Đất chuyên trồng lúa	33.149	32.428	30.345		30.345	-2.083	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	74.538	78.334	85.095	-2.811	82.284	3.950	
1.3	Đất rừng đặc dụng	95.998	95.358	116.870	-99	116.771	21.413	
1.4	Đất rừng phòng hộ	308.919	308.144	280.821	-300	280.521	-27.623	
1.5	Đất rừng sản xuất	472.019	499.210	503.115	-8.125	494.990	-4.220	
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	174.977	141.737	167.456	-25.852	141.604	-133	
1.6	Các loại đất nông nghiệp còn lại	129.864	145.427	123.414	-2.791	120.623	-24.804	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	93.617	96.613	125.981	14.344	140.325	43.712	
	Trong đó:							
2.1	Đất ở tại nông thôn	9.964	13.543	13.524	1.850	15.374	1.831	

STT	 Chi tiêu	Hiện trạng năm 2020	Hiện trạng năm 2024 theo số liệu kiểm kê cấp tỉnh	Chi tiêu được phân bổ theo QĐ 326 và phê duyệt trong QH tỉnh	Diện tích để nghị bổ sung	Chi tiêu sử dụng đất để xuất đến năm 2030	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng năm 2024	Ghi chú
2.2	Đất ở tại đô thị	2.769	2.447	7.006	335	7.341	4.894	Xác định lại chỉ tiêu sử dụng đất ở do sắp xếp, sắp nhập các xã, phường; điều chỉnh tăng chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn để thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, tái định cư
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	386	411	620	530	1.150	739	
2.4	Đất quốc phòng	3.323	3.000	4.017	267	4.284	1.284	
2.5	Đất an ninh	325	249	522	326	848	600	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	2.096	2.215	3.922	620	4.542	2.328	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	278	312	438	55	493	181	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	185	225	234	170	404	179	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1.249	1.164	1.825	185	2.010	846	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	321	469	1.360	268	1.628	1.159	
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp còn lại	63	44	65	-57	8	-36	



STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2020	Hiện trạng năm 2024 theo số liệu kiểm kê cấp tỉnh	Chỉ tiêu được phân bổ theo QĐ 326 và phê duyệt trong QH tỉnh	Diện tích để nghị bổ sung	Chỉ tiêu sử dụng đất để xuất đến năm 2030	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng năm 2024	Ghi chú
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	9.847	10.696	22.920	4.735	27.655	16.960	
-	Đất khu công nghiệp	1.444	1.329,3	4.370,89	1.426,1	5.797,00	4.467,7	
-	Đất cụm công nghiệp	166	186,4	1.816,21	1.111,60	2927,81	2.741,4	
-	Đất thương mại dịch vụ	570	491	3.948	0	3.948	3.457	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1.556	1.323	2.446	174	2.620	1.297	
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	6.111	7.366	10.339	2.024	12.363	4.997	
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung						0	
-	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp còn lại							
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	23.344	25.921	36.268	6.011	42.279	16.358	
-	Đất công trình giao thông	16.505	18.333	25.448	3.946	29.394	11.061	
-	Đất công trình thủy lợi	1.958	1.997	1.604	-112	1.492	-505	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	140	331	464	42	506	175	
-	Đất công trình xử lý chất thải	305	198	673	17	690	492	
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	4.073	4.677	7.684	1.899	9.583	4.906	

STT	Chi tiêu	Hiện trạng năm 2020	Hiện trạng năm 2024 theo số liệu kiểm kê cấp tỉnh	Chi tiêu được phân bổ theo QĐ 326 và phê duyệt trong QH tỉnh	Diện tích để nghị bổ sung	Chi tiêu sử dụng đất để xuất đến năm 2030	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng năm 2024	Ghi chú
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	25	24	34		34	10	
-	Đất sử dụng vào mục đích công công còn lại	338	361	361	220	581	219	
2.9	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại	41.563	38.132	37.182	-331	36.851	-1.281	
	Trong đó:							
2.9.1	Đất tôn giáo	49	52,5	113	5	118	65	
2.9.2	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	1.334	1.360	1.856	200	2.056	696	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	88.588	39.619	32.731	-218	32.327	-7.293	

Ghi chú:

- Các chi tiêu sử dụng đất do quốc gia phân bổ thực hiện theo quy hoạch cấp trên.
- Các chi tiêu sử dụng đất được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sử dụng đất thực tế của tỉnh trong từng giai đoạn phát triển.



Phụ lục XVI

**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH
LÀO CAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

STT	Tên bản đồ, sơ đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh	1: 1000.000
2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	1:100.000
3	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:100.000
4	Sơ đồ phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:100.000
5	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:100.000
6	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:100.000
7	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1:100.000
8	Sơ đồ định hướng sử dụng đất	1:100.000
9	Sơ đồ phương hướng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:100.000
10	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:100.000
11	Các sơ đồ, bản đồ chuyên đề	1:100.000